

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH Đ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2023/HC-ST

Ngày: 11-01-2023

*“V/v khiếu kiện quyết định hành
chính trong lĩnh vực thuế”*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH Đ**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Thành T
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Ngọc Đ
Ông Bùi Quý K

Thư ký phiên tòa: Bà Võ Nguyệt Quỳnh N – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đ tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc T - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 22 tháng 12 năm 2022 và ngày 11 tháng 01 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 29/2020/TLHC-ST ngày 31 tháng 8 năm 2020, *“Về việc khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực thuế”*.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 50/2022/QĐXXST-HC ngày 29 tháng 11 năm 2022; Quyết định tạm ngừng phiên tòa số 60/2022/QĐST-HC ngày 22 tháng 12 năm 2022, Thông báo thời gian mở phiên tòa xét xử sơ thẩm số 101/TB-TA ngày 29 tháng 12 năm 2022, giữa:

- Người khởi kiện: Công ty Cổ phần Thương mại Dầu khí Đ (gọi tắt là Công ty P);

Người đại diện theo pháp luật: Ông Lê Thanh M – Chức vụ: Tổng giám đốc;

Địa chỉ: Số 140, Quốc lộ 30, phường M, thành phố Đ, tỉnh Đ.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Nguyễn Thị M1, sinh năm 1963; Địa chỉ: Tổ 29, khóm M, Phường A, thành phố Đ, tỉnh Đ; Ông Phạm Văn T3, sinh năm 1964; Địa chỉ: Khóm 4, thị trấn M, huyện M, tỉnh Đ; Ông Đặng Thanh H, sinh năm 1973; Địa chỉ: Số 184A, Quốc lộ 30, phường Mỹ Phú, thành phố Đ, tỉnh Đ (theo văn bản ủy quyền ngày 02/11/2020).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Công ty Cổ phần thương mại Dầu khí Đ: Luật sư Huỳnh Thị Quỳnh H1 – Văn phòng luật sư Q, thuộc đoàn luật sư tỉnh Đ.

Địa chỉ: Số 200, đường Thiên Hộ Dương, phường H, thành phố Đ, tỉnh Đ.

- Người bị kiện:

1. Cục trưởng Cục Hải quan tỉnh Đ;

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Thanh T7 – Chức vụ: Cục trưởng;

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Hữu T2 – Chức vụ: Phó Cục trưởng (theo văn bản ủy quyền ngày 05/11/2021).

Cùng địa chỉ: Số 91, đường Nguyễn Huệ, Phường 1, thành phố Đ, tỉnh Đ.

2. Chi cục trưởng Chi cục Hải quan cửa khẩu Cảng Đ;

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Văn Thanh B – Chức vụ: Chi cục trưởng;

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Văn Q – Chức vụ: Phó Chi cục trưởng (theo văn bản ủy quyền ngày 02/10/2020);

Cùng địa chỉ: Đường số 5, xã T, thành phố S, tỉnh Đ.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện là Cục trưởng Cục Hải quan tỉnh Đ và Chi cục trưởng Chi cục Hải quan cửa khẩu Cảng Đ: Ông Đặng Văn T4 – Trưởng phòng Tổ chức cán bộ – Thanh tra; ông Trần Quang D – Chánh Văn phòng; ông Nguyễn Thanh L1 – Phó trưởng Phòng Nghiệp vụ; bà Lê Duy T5 – Công chức Văn phòng Cục Hải quan tỉnh Đ; Cùng địa chỉ: Số 91, đường Nguyễn Huệ, Phường 1, thành phố Đ, tỉnh Đ; Bà Nguyễn Ngọc Tuyết M3 – Công chức Phòng nghiệp vụ; Địa chỉ: Đường số 5, xã T, thành phố S, tỉnh Đ.

(Bà Nguyễn Thị M3, ông Phạm Văn T3, ông Đặng Thanh H1, bà Huỳnh Thị Quỳnh H2, ông Nguyễn Hữu T2, ông Nguyễn Văn Q, ông Đặng Văn T4, ông Trần Quang D, ông Nguyễn Thanh L1, bà Lê Duy T5, bà Nguyễn Ngọc Tuyết M3 có mặt tại phiên tòa. Bà Huỳnh Thị Quỳnh H2 vắng mặt khi tuyên án).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện của Công ty Cổ phần thương mại Dầu khí Đ và bà Nguyễn Thị M3 ông Phạm Văn T3, ông Đặng Thanh H1 là người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện trình bày:

Trước ngày 14/9/2016, Công ty P đã được hoàn thuế cho nhiều tờ khai hải quan có C/O mẫu D, thời gian cơ quan Hải quan tiếp nhận là 12 tháng kể từ khi mở tờ khai hải quan (bao gồm C/O mẫu D dầu DO xuất xứ ASEAN). Ngày 14/9/2016, Bộ Tài chính ban hành Công văn số 12802/BTC-TCHQ trả lời Hải quan địa phương buộc doanh nghiệp nộp bản chính C/O mẫu D (ASEAN) ngay khi mở tờ khai hải quan. Ngày 04/10/2016, Bộ Tài chính ban hành Công văn số 13959/BTC-TCHQ hướng dẫn doanh nghiệp được chậm nộp bản chính C/O

mẫu D 30 ngày, riêng hoạt động điều tiết giá (xăng dầu) sẽ được hướng dẫn riêng. Ngày 09/3/2017, Bộ Tài chính ban hành Công văn số 3109/BTC-TCHQ hướng dẫn: “Thời điểm nộp C/O mẫu D thực hiện theo hướng dẫn tại mục 1, 2 Công văn số 13959/BTC-TCHQ ngày 04/10/2016”. Ngày 02/11/2017, Tổng cục Hải quan ban hành Công văn số 7143/TCHQ-GSQL với nội dung không chấp nhận doanh nghiệp nộp C/O chậm 30 ngày giai đoạn từ 14/9/2016 đến 08/3/2017.

Trong khoảng thời gian từ ngày 14/09/2016 đến ngày 08/3/2017 Công ty P đã thực hiện mở 3 tờ khai hải quan:

Tờ khai số 101088601242/A1149C1 ngày 20/10/2016;

Tờ khai số 101106366322/A11/49C1 ngày 01/11/2016;

Tờ khai số 101238540213/A11/49C1 ngày 20/01/2017;

Và tuân thủ quy trình thủ tục hải quan đúng theo quy định tại Thông tư số 38/2015/TT-BTC ngày 25/3/2015 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư số 22/2016/TT-BCT ngày 03/10/2016 của Bộ trưởng Bộ Công Thương. Công ty P đã được Chi cục Hải quan cửa khẩu Cảng Đ chấp nhận C/O và đã hoàn thuế cho tất cả tờ khai phát sinh trong thời gian từ ngày 14/9/2016 đến ngày 08/3/2017, bằng Quyết định số 64/QĐ-HQCKC ngày 15/02/2017, Quyết định số 527/QĐ-HQCKC ngày 11/11/2016 và Quyết định số 528/QĐ-HQCKC ngày 11/11/2016 của Chi cục trưởng Chi cục Hải quan cửa khẩu Cảng Đ về việc hoàn tiền thuế đối với hàng hóa nhập khẩu.

Đến ngày 05/8/2019, Công ty P nhận được Công văn số 4894/TCHQ-GSQL ngày 30/7/2019 của Tổng cục Hải quan về việc truy thu số tiền thuế đã được hoàn thuế trước đó cho các tờ khai nhập khẩu trong thời gian từ ngày 14/9/2016 đến 08/3/2017 với lý do được đưa ra là thực hiện theo hướng dẫn tại Công văn số 12802/BTC-TCHQ ngày 14/9/2016 của Bộ Tài chính (quy định nộp C/O ngay khi mở tờ khai).

Ngày 04/9/2019, Công ty P nhận Quyết định 578/QĐ-HQC ngày 30/8/2019 về việc ấn định thuế đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu của Chi cục trưởng Chi cục Hải quan cửa khẩu Cảng Đ. Công ty P không thống nhất theo Quyết định 578/QĐ-HQC ngày 30/8/2019. Quyết định 578 đã đưa ra lý do ấn định thuế của 3 tờ khai nhập khẩu xăng dầu đăng ký từ thời điểm ngày 14/9/2016 đến ngày 08/3/2017, không nộp C/O tại thời điểm làm thủ tục Hải quan thì không đủ điều kiện áp dụng thuế suất ưu đãi đặc biệt. Công ty P đã có Đơn khiếu nại số 407/TMDK ngày 30/9/2019 gửi đến Chi cục Hải quan cửa khẩu Cảng Đ.

Đến ngày 15/11/2019, Công ty P nhận được Quyết định số 734/QĐ-HQC về việc giải quyết khiếu nại của Công ty Cổ phần Thương mại Dầu khí Đ (lần đầu) ngày 08/11/2019 của Chi cục trưởng Chi cục Hải quan cửa khẩu Cảng Đ đã quyết định giữ nguyên Quyết định số 578/QĐ-HQC ngày 30/8/2019 của Chi cục Hải quan cửa khẩu Cảng Đ. Công ty sau đó đã có Đơn khiếu nại số 500/TMDK ngày 19/11/2019 gửi Cục trưởng Cục Hải quan tỉnh Đ.

Ngày 17/11/2019, Công ty P nhận được Quyết định số 410/QĐ-HQĐT về

việc giải quyết khiếu nại đối với Công ty Cổ phần Thương mại Dầu khí Đ (lần hai) ngày 13/12/2019 của Cục trưởng Cục Hải quan tỉnh Đ đã quyết định công nhận và giữ nguyên Quyết định số 578/QĐ-HQC ngày 30/8/2019 về việc ấn định thuế đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu và Quyết định số 734/QĐ-HQC về việc giải quyết khiếu nại của Công ty Cổ phần Thương mại Dầu khí Đ (lần đầu) ngày 08/11/2019 của Chi cục trưởng Chi cục Hải quan cửa khẩu Cảng Đ.

Việc truy thu thuế của cơ quan Hải quan Đ đã không đúng với các quy định của pháp luật về thuế quan: Quy định tại Điều 4, Nghị định số 19/2006/NĐ-CP ngày 20 tháng 02 năm 2006 của Chính phủ về quy tắc xuất xứ ưu đãi theo các điều ước quốc tế; tại điểm a, khoản 2, Điều 26, Thông tư 38/2015/TT-BTC ngày 25 tháng 3 năm 2015 của Bộ Tài chính về kiểm tra, xác định xuất xứ hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu; tại Điều 14, Phụ lục VII ban hành kèm theo Thông tư số 22/2016/TT-BCT ngày 03 tháng 10 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Công thương về thời hạn có hiệu lực của C/O và quy định tại Điều 14, Phụ lục VIII, Hiệp định Thương mại hàng hóa ASEAN (ATIGA) ngày 26 tháng 02 năm 2009 về thời hạn có hiệu lực của C/O.

Công ty P yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Đ xem xét hủy các Quyết định:

+ Quyết định số 578/QĐ-HQC ngày 30/8/2019 về việc ấn định thuế đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu của Chi cục trưởng Chi cục Hải quan cửa khẩu Cảng Đ.

+ Quyết định số 734/QĐ-HQC ngày 08/11/2019 về việc giải quyết khiếu nại của Công ty Cổ phần Thương mại Dầu Khí Đ của Chi cục trưởng Chi cục Hải quan cửa khẩu Cảng Đ (lần đầu).

+ Quyết định số 410/QĐ-HQĐT ngày 13/12/2019 về việc giải quyết khiếu nại của Công ty Cổ phần Thương mại Dầu Khí Đ của Cục trưởng Cục Hải quan tỉnh Đ (lần hai).

- Ngày 04/12/2020, Công ty Cổ phần Thương mại Dầu khí Đ có văn bản trình bày ý kiến:

Công ty P đã có đơn khởi kiện số 359/TMDK ngày 11/8/2020 gửi đến Tòa án nhân dân tỉnh Đ. Ngày 08/9/2020, Công ty P nhận được thông báo thụ lý vụ án số 38/2020/TLST-HC ngày 01/9/2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Đ, trong vụ án hành chính số 29/2020/TLST-HC về khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực thuế.

Công ty P kính đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Đ xem xét và tuyên hủy các quyết định 578, 734, 410 của Chi cục trưởng Chi cục Hải quan Cửa khẩu Cảng Đ và Cục trưởng Cục Hải quan tỉnh Đ, buộc Chi cục trưởng Chi cục Hải quan Cửa khẩu Cảng Đ và Cục trưởng Cục Hải quan tỉnh Đ hoàn trả số tiền thuế là 12.188.674.084 đồng đã truy thu từ Công ty P, áp dụng mức tính lãi suất 10%/năm với số tiền 12.188.674.084 đồng (từ 03/9/2019 đến khi giải quyết xong vụ án).

Công ty P xin được trình bày những lập luận và cơ sở pháp lý nhằm chứng minh việc truy thu số tiền thuế 12.188.674.084 đồng mà Công ty P đã nộp cho

Cơ quan Hải quan Đ là không có cơ sở, cụ thể như sau:

Thứ nhất, từ các căn cứ pháp lý được quy định tại Điều 4, Nghị định số 19/2006/NĐ-CP ngày 20 tháng 02 năm 2006 của Chính phủ về quy tắc xuất xứ ưu đãi theo các điều ước quốc tế, tại điểm a, khoản 2, Điều 26, Thông tư 38/2015/TT-BTC ngày 25 tháng 3 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về kiểm tra, xác định xuất xứ hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu, Điều 14, Phụ lục VII ban hành kèm theo Thông tư số 22/2016/TT-BCT ngày 03 tháng 10 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Công thương về thời hạn có hiệu lực của C/O và Quy tắc 14 Phụ lục 7 Hiệp định ATIGA về thời hạn hiệu lực của C/O, đã thể hiện rõ việc doanh nghiệp nộp bản chính C/O trong thời hạn hiệu lực (12 tháng) để được hoàn thuế là phù hợp với pháp luật Việt Nam cũng như cam kết quốc tế tại Hiệp định ATIGA. Trên thực tế, Công ty P đã thực hiện việc mở tờ khai nhập khẩu xăng dầu có nợ C/O mẫu D từ năm 2015 đến nay đều được các đơn vị Hải quan tiếp nhận, xem xét, xác minh C/O mẫu D và đã hoàn thuế cho Công ty P tất cả các tờ khai.

Thứ hai, Công văn số 12802/BTC-TCHQ ngày 14/9/2016 của Bộ Tài chính chưa phù hợp với quy định tại điểm a khoản 2 Điều 26 Thông tư số 38/2015/TT-BTC ngày 25/3/2015, căn cứ theo Thông tư 38 thì Công ty P có quyền “nộp bổ sung chứng từ chứng nhận xuất xứ trong thời hạn theo quy định, người khai hải quan khai bổ sung theo mức thuế suất ưu đãi đặc biệt tương ứng, được hoàn trả số tiền thuế chênh lệch đã nộp”. Hơn nữa, Công văn số 12802/BTC-TCHQ của Bộ Tài chính thực tế chỉ là văn bản hướng dẫn của Bộ Tài chính cho cơ quan Hải quan và chỉ là văn bản nội bộ ngành, không phải văn bản pháp quy, không đăng công báo nên Công văn này không thể điều chỉnh khác với Thông tư và Nghị định quy định.

Thứ ba, khi chưa có sự thống nhất của Bộ Công thương (là cơ quan ban hành Thông tư số 21/2010/TT-BCT có hiệu lực ngày 01/7/2010 và Thông tư số 22/2016/TT-BCT có hiệu lực ngày 15/11/2016 quy định về thực hiện quy tắc xuất xứ hàng hóa trong Hiệp định thương mại hàng hóa ASEAN) trong phiên họp Bộ Tài chính lấy ý kiến các Bộ để giải trình và giải quyết dứt điểm theo đúng chức năng và thẩm quyền được giao đối với các vướng mắc, khiếu nại của doanh nghiệp liên quan đến C/O xăng dầu nhập khẩu trong giai đoạn từ 14/9/2016 đến 08/3/2017. Trong cuộc họp này, Bộ Công thương đã khẳng định Công văn số 12802/BTC-TCHQ của Bộ Tài chính là không đúng quy định pháp luật đã được nêu trong Công văn số 5046/BTC-TCHQ ngày 03/5/2019 về việc vướng mắc xăng dầu của Bộ Tài chính báo cáo Thủ tướng Chính phủ.

Thứ tư, sự thay đổi liên tục của các Công văn hướng dẫn thời điểm nộp C/O của Bộ Tài chính và Tổng cục Hải quan cũng gây khó khăn làm cho Doanh nghiệp không nắm bắt kịp thời để thực hiện, cụ thể:

Trước ngày 14/9/2016, Công ty P đã được hoàn thuế cho nhiều C/O mẫu D, thời gian Cơ quan Hải quan tiếp nhận là 12 tháng kể từ khi mở tờ khai Hải Quan (bao gồm C/O mẫu D dầu DO xuất xứ ASEAN).

Ngày 14/9/2016, Bộ Tài chính ban hành Công văn số 12802/BTC-TCHQ

trả lời hải quan địa phương buộc doanh nghiệp nộp bản chính C/O mẫu D (ASEAN) tại thời điểm nộp hồ sơ hải quan.

Ngày 04/10/2016, Bộ Tài chính ban hành Công văn số 13959/BTC-TCHQ hướng dẫn Doanh nghiệp được chậm nộp bản chính C/O mẫu D 30 ngày, riêng hoạt động điều tiết giá (xăng dầu) sẽ được hướng dẫn riêng.

Ngày 09/3/2017, Bộ Tài chính lại ban hành Công văn số 3109/BTC-TCHQ hướng dẫn: *“Thời điểm nộp C/O mẫu D thực hiện theo hướng dẫn tại mục 1, 2 Công văn số 13959/BTC-TCHQ ngày 04/10/2016”*. Nghĩa là doanh nghiệp được nộp bổ sung bản chính C/O trong thời gian 30 ngày. Việc chậm trễ hướng dẫn gần 06 tháng và chưa đúng với quy định vì C/O có giá trị 12 tháng.

Ngày 02/11/2017, Tổng cục Hải quan ban hành Công văn số 7143/TCHQ-GSQL với nội dung không chấp nhận doanh nghiệp nộp c/o chậm 30 ngày giai đoạn từ 14/9/2016 đến 08/3/2017 do Bộ Tài chính chưa hướng dẫn được chậm nộp giai đoạn này. Bộ Tài chính vẫn ra Công văn chỉ đạo Cơ quan Hải quan tiến hành thu hồi thuế theo Công văn số 12802/BTC-TCHQ.

Ngoài ra, Thông tư số 22/2016/TT-BCT ngày 03 tháng 10 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Công Thương và Thông tư số 40/2015/TT-BTC ngày 18/11/2015 quy định thực hiện quy tắc xuất xứ trong Hiệp định thương mại tự do Việt Nam-Hàn Quốc và Thông tư số 20/2014/TT-BCT ngày 25 tháng 6 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định thực hiện quy tắc xuất xứ trong Hiệp định khu vực thương mại tự do ASEAN-Hàn Quốc có quy định cụ thể thời hạn có hiệu lực của c/o. Nhưng Bộ Tài chính lại áp dụng không đồng nhất C/O mẫu D và C/O mẫu KV (C/O mẫu KV được nộp bổ sung trong thời hạn 1 năm).

Thứ năm, do đặc thù tập quán mua bán Quốc tế riêng của mặt hàng xăng dầu. Giá xăng dầu chịu nhiều tác động của các yếu tố cung cầu, chính trị, tồn kho, dự trữ, thời tiết...Do vậy, tập quán Quốc tế áp dụng đối với giá mua bán xăng dầu thành phẩm, dầu thô là tính bình quân nhiều ngày trước và sau ngày nhận hàng để đảm bảo tính ổn định, khách quan của giá mua bán. Chính vì vậy, C/O mẫu D thường được cấp sau ngày xếp hàng một thời gian nhất định (do chưa có giá chính thức nên người bán chưa thể phát hành Commercial Invoice và trên cơ sở Invoice để phát hành C/O mẫu D). Điều này đã được quy định trong Hiệp định ATIGA và được ghi nhận tại Điều 10 Phụ lục 7 của Thông tư 21/2010/TT-BTC ngày 17/5/2010 chấp nhận hợp lệ đối với C/O mẫu D cấp sau và đánh dấu vào ô số 13 trên C/O (issued retroactively) và điểm c khoản 2 Điều 7 của Thông tư 69/2016/TT-BTC ngày 06/05/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính (khi làm thủ tục hải quan, Doanh nghiệp có thể làm công văn xin chậm nộp Commercial Invoice trong vòng 30 ngày).

Khi có C/O mẫu D, Công ty nộp bổ sung C/O (đính kèm công văn xin nộp bổ sung và được Cơ quan Hải quan xác nhận đã tiếp nhận) trước hạn 30 ngày. Sau khi cơ quan hải quan tiếp nhận thì Cơ quan Hải quan có phát hành công văn thông báo cho Công ty biết với lý do kê khai không chính xác các nội dung liên quan đến xác định nghĩa vụ thuế và Công ty tiến hành khai bổ sung thuế suất theo thuế suất ưu đãi đặc biệt (đã nộp C/O), sau thời gian xem xét theo quy định

thì Cơ quan Hải quan xác nhận C/O hợp lệ trên hệ thống. Sau đó, Công ty làm thủ tục hoàn thuế C/O mẫu D gửi Cơ quan Hải quan để xem xét hồ sơ và Cơ quan Hải quan Đ đã ra Quyết định hoàn thuế cho tất cả các tờ khai của Công ty P. Như vậy, tất cả các tờ khai hải quan của Công ty P đã thực hiện đúng và đầy đủ theo quy định của pháp luật Việt Nam và Hiệp ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên. Nếu trong thời gian này Cơ quan Hải quan từ chối tờ khai đầu tiên phát sinh trong giai đoạn từ 14/9/2016 đến 08/3/2017 (ngay sau khi Công văn số 12802/BTC-TCHQ ngày 14/9/2016 của Bộ Tài chính), Công ty sẽ có giải pháp phù hợp nhằm tránh thiệt hại cho Công ty và chắc chắn sẽ không dẫn đến hậu quả bị truy thu thuế do chậm nộp C/O gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến hoạt động kinh doanh bình thường của Công ty P.

Tại phiên tòa, bà Nguyễn Thị M3, ông Phạm Văn T3, ông Đặng Thanh H1 trình bày:

Việc ấn định thuế, truy thu thuế đối với số tiền thuế đã được hoàn thuế đúng theo quy định của pháp luật là không phù hợp, việc truy thu thuế đã làm ảnh hưởng, làm thiệt hại đến quyền và lợi ích hợp pháp của Công ty P. Chi cục Hải quan cửa khẩu Cảng Đ căn cứ văn bản số 12802, 13959 của Bộ Tài chính để truy thu thuế của Công ty P là chưa phù hợp và không đúng theo quy định của pháp luật vì đây là văn bản hướng dẫn nội bộ, không có gửi cho Công ty để thực hiện. Quyết định giải quyết khiếu nại của Cơ quan Hải quan Đ nhưng trong quyết định ghi là Cục Hải quan tỉnh Đồng Nai. Cho nên các quyết định ấn định thuế, truy thu thuế và giải quyết khiếu nại của Chi cục trưởng Chi cục Hải quan cửa khẩu Cảng Đ, Cục trưởng Cục Hải quan tỉnh Đ là không đúng quy định của pháp luật. Công ty P yêu cầu Tòa án hủy các quyết định số 578, 734, 410 của Chi cục trưởng Chi cục Hải quan cửa khẩu Cảng Đ, Cục trưởng Cục Hải quan tỉnh Đ. Công ty P đã nộp lại số tiền thuế bị truy thu tổng cộng là 12.188.674.084 đồng. Nay Công ty P yêu cầu Chi cục Hải quan cửa khẩu Cảng Đ hoàn trả lại cho Công ty P số tiền thuế đã nộp tổng cộng là 12.188.674.084 đồng. Công ty P rút lại yêu cầu tính tiền lãi suất đối với số tiền 12.188.674.084 đồng, theo mức lãi suất 10%/năm, tính từ ngày 03/9/2019 đến khi giải quyết xong vụ án.

- Theo Công văn số 1545/HQĐT-NV ngày 25/9/2020 của Cục Hải quan tỉnh Đ và ông Nguyễn Hữu T2 đại diện theo ủy quyền của người bị kiện trình bày:

Ngày 07/9/2020, Cục Hải quan tỉnh Đ nhận được Thông báo số 38/2020/TLST-HC của Tòa án tỉnh Đ về việc thụ lý vụ án. Ngày 15/9/2020, Cục Hải quan Tỉnh có Công văn số 1491/HQĐT-NV gửi đến Tòa án để xin gia hạn thời gian có ý kiến của Cục đối với vụ án hành chính số 29/2020/TLST-HC. Theo yêu cầu của Tòa án, Cục Hải quan Tỉnh xin có ý kiến về nội dung vụ việc như sau:

1. Việc làm thủ tục Hải quan và hoàn thuế của 03 tờ khai có liên quan:

Công ty P có mã số thuế 1400147351, địa chỉ số 140, Quốc lộ 30, phường Mỹ Phú, thành phố Đ, tỉnh Đ. Từ ngày 20/10/2016 đến ngày 20/01/2017, Công

ty có đăng ký 03 tờ khai tại Chi cục Hải quan cửa khẩu Cảng Đ (sau đây gọi tắt là Chi cục) để làm thủ tục nhập khẩu mặt hàng Dầu Gasoil 0,05% Sulphur, mã số hàng hóa 27101972 với tổng trọng lượng là 14.266,3 tấn. Cụ thể:

1.1. Tờ khai số 101088601242/A11/49C1, trọng lượng 4.824,79 tấn, trị giá 2.245.297,6 USD.

Ngày 20/10/2016, Công ty đăng ký mở tờ khai số 101088601242/A11, khai báo theo thuế suất nhập khẩu thông thường.

Ngày 21/10/2016, Công ty nộp cho Chi cục Công văn số 909/TMDK-XNK ngày 20/10/2016 xin nợ C/O của lô hàng này.

Ngày 24/10/2016, Công ty đã nộp đầy đủ tổng số tiền thuế nhập khẩu theo thuế suất thông thường là 9.240.858.285 đồng. Sau khi Công ty nộp đủ thuế, tờ khai này được Chi cục thông quan trong ngày 24/10/2016.

Sau khi thông quan, ngày 25/10/2016 Công ty khai sửa điều chỉnh thuế nhập khẩu theo thuế suất ưu đãi đặc biệt tại tờ khai số 730030437950.

Ngày 26/10/2016, Công ty gửi đến Chi cục Công văn số 922/TMDK-XNK ngày 26/10/2016 xin nộp bổ sung C/O mẫu D của lô hàng này.

Ngày 10/11/2016, Công ty gửi đến Chi cục Công văn số 969/TMDK-XNK ngày 10/11/2016 xin hoàn phần tiền thuế chênh lệch của lô hàng do hưởng thuế suất ưu đãi đặc biệt với số tiền là 4.020.034.395 đồng.

Ngày 11/11/2016, Chi cục Hải quan cửa khẩu Cảng Đ ra Quyết định số 527/QĐ-HQCKC để hoàn thuế cho Công ty với số tiền 4.020.034.395 đồng.

1.2. Tờ khai số 101106366322/AU/49C1, trọng lượng 4.863,99 tấn, trị giá 2.270.556,08 USD.

Ngày 01/11/2016, Công ty đăng ký mở tờ khai số 101106366322/A11, khai báo theo thuế suất nhập khẩu thông thường; đồng thời, Công ty nộp cho Chi cục Công văn số 939/TMDK-XNK ngày 01/11/2016 xin nợ C/O của lô hàng này.

Ngày 02/11/2016, Công ty đã nộp đầy đủ tổng số tiền thuế nhập khẩu theo thuế suất thông thường là 9.350.953.195 đồng. Sau khi Công ty nộp đủ thuế, tờ khai này được Chi cục thông quan trong ngày 02/11/2016.

Ngày 07/11/2016, Công ty gửi đến Chi cục Công văn số 954/TMDK-XNK ngày 07/11/2016 xin nộp bổ sung C/O mẫu D của lô hàng này. Đồng thời, Công ty khai sửa sau thông quan điều chỉnh thuế nhập khẩu theo thuế suất ưu đãi đặc biệt tại tờ khai số 730033337940.

Ngày 10/11/2016, Công ty gửi đến Chi cục Công văn số 970/TMDK-XNK ngày 10/11/2016 xin hoàn phần tiền thuế chênh lệch của lô hàng do hưởng thuế suất ưu đãi đặc biệt với số tiền là 4.067.928.791 đồng.

Ngày 11/11/2016, Chi cục Hải quan cửa khẩu Cảng Đ ra Quyết định số 528/QĐ-HQCKC để hoàn thuế cho Công ty với số tiền 4.067.928.791 đồng.

1.3. Tờ khai số 101238540213/A11/49C1, trọng lượng 4.577,52 tấn, trị giá 2.257.742,43 USD.

Ngày 20/01/2017, Công ty đăng ký mở tờ khai số 101238540213/A11, khai báo theo thuế suất nhập khẩu thông thường; đồng thời, Công ty nộp cho Chi cục Công văn số 94/TMDK-XNK ngày 20/01/2017 xin nợ C/O của lô hàng này.

Ngày 23/01/2017, Công ty đã nộp đầy đủ tổng số tiền thuế nhập khẩu theo thuế suất thông thường là 9.426.309.469 đồng. Sau khi Công ty nộp đủ thuế, tờ khai này được Chi cục thông quan trong ngày 23/01/2017.

Ngày 03/02/2017, Công ty gửi đến Chi cục Công văn số 125/TMDK- XNK ngày 02/02/2017 xin nộp bổ sung C/O mẫu D của lô hàng này.

Sau khi thông quan, ngày 07/02/2017 Công ty khai sửa điều chỉnh thuế nhập khẩu theo thuế suất ưu đãi đặc biệt tại tờ khai số 730046456200.

Ngày 09/02/2017, Công ty gửi đến Chi cục Công văn số 150/TMDK- XNK ngày 09/02/2017 xin hoàn phần tiền thuế chênh lệch của lô hàng do hưởng thuế suất ưu đãi đặc biệt với số tiền là 4.100.710.898 đồng.

Ngày 15/02/2017, Chi cục Hải quan cửa khẩu Cảng Đ ra Quyết định số 64/QĐ-HQCKC để hoàn thuế cho Công ty với số tiền 4.100.710.898 đồng.

2. Việc ấn định thuế và giải quyết khiếu nại đối với 03 tờ khai này:

2.1. Việc ấn định thuế (truy thu lại số thuế đã được hoàn của 03 tờ khai nêu trên với số tiền 12.188.674.084 đồng).

Ngày 06/11/2017, Cục Hải quan Tỉnh nhận được Công văn 7143/TCHQ-GSQL ngày 02/11/2017 của Tổng cục Hải quan về việc vướng mắc thời điểm nộp C/O. Nội dung công văn này có ý kiến với Tổng công ty Dầu Việt Nam và gửi các Cục Hải quan tỉnh thành phố thực hiện. Trong nội dung công văn có đoạn “Do vậy, đối với các tờ khai đăng ký từ ngày 09/3/2017 nhập khẩu hàng hóa thuộc hoạt động điều tiết giá bao gồm mặt hàng xăng dầu được nộp bổ sung trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày đăng ký tờ khai Hải quan nếu có khai báo việc nộp bổ sung C/O trên tờ khai Hải quan; không áp dụng việc nộp bổ sung đối với các tờ khai từ ngày 14/9/2016 đến trước ngày 09/3/2017”. Căn cứ nội dung này, 03 tờ khai liên quan nêu trên có thời gian đăng ký vào các ngày 20/10/2016, 01/11/2016 và 20/01/2017 (trong khoảng thời gian từ ngày 14/9/2016 đến trước ngày 09/3/2017) thuộc trường hợp phải nộp C/O tại thời điểm làm thủ tục Hải quan; không thuộc trường hợp được bổ sung C/O trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày đăng ký tờ khai Hải quan.

Ngày 05/8/2019, Cục Hải quan Tỉnh nhận được Công văn 4893/TCHQ-GSQL ngày 30/7/2019 của Tổng cục Hải quan về việc vướng mắc C/O xăng dầu. Theo nội dung của Công văn, Tổng cục Hải quan xác định các tờ khai nhập khẩu xăng dầu đăng ký từ thời điểm ngày 14/9/2016 đến ngày 08/3/2017 không nộp C/O tại thời điểm làm thủ tục Hải quan thì không đủ điều kiện áp dụng thuế suất ưu đãi đặc biệt” và “Yêu cầu các đơn vị thông báo các doanh nghiệp liên quan biết và tiến hành truy thu số thuế đã hoàn trước đó cho các tờ khai nhập khẩu xăng dầu do không đủ điều kiện để áp dụng thuế suất ưu đãi đặc biệt”.

Ngày 07/8/2019, Cục Hải quan Tỉnh nhận được Công văn số 327/TMDK ngày 06/8/2019 về việc vướng mắc C/O mẫu D xăng dầu. Nội dung công văn

này, Công ty P phản ánh về vấn đề C/O và đề nghị Tổng cục Hải quan không truy thu số tiền thuế đã hoàn trong thời gian 14/9/2016 đến 09/3/2017.

Ngày 21/8/2019, Cục Hải quan tỉnh nhận được Công văn 2521/GSQL-GQ4 ngày 16/8/2019 về việc vướng mắc C/O gửi Công ty P và Cục Hải quan tỉnh Đ. Trong nội dung công văn này, Tổng cục Hải quan đề nghị Công ty thực hiện theo đúng hướng dẫn của Tổng cục Hải quan.

Ngày 29/8/2019, Chi cục Hải quan cửa khẩu Cảng Đ ban hành Thông báo số 573/TB-HQC về việc nộp lại số tiền thuế 12.188.674.084 đồng đã hoàn của 03 tờ khai nêu trên; gửi đến Công ty P để đề nghị thực hiện.

Ngày 30/8/2019, Chi cục trưởng Chi cục Hải quan cửa khẩu Cảng Đ ban hành Quyết định ấn định thuế số 578/QĐ-HQC gửi đến Công ty P để yêu cầu chấp hành nộp lại số tiền thuế 12.188.674.084 đồng đã hoàn của 03 tờ khai nêu trên.

Ngày 03/9/2019, Công ty P chấp hành Quyết định ấn định thuế số 578 của Chi cục trưởng Chi cục Hải quan cửa khẩu Cảng Đ, nộp lại xong số tiền 12.188.674.084 đồng.

2.2. Giải quyết khiếu nại

Giải quyết khiếu nại lần 1: Ngày 30/9/2019, Chi cục Hải quan cửa khẩu Cảng Đ nhận được Đơn khiếu nại số 407/TMDK ngày 30/9/2019 của Công ty P khiếu nại Quyết định ấn định thuế số 578/QĐ-HQC ngày 30/8/2019 của Chi cục trưởng Chi cục Hải quan cửa khẩu Cảng Đ và hoàn trả lại số tiền thuế đã truy thu là 12.188.674.084 đồng. Ngày 11/10/2019, Chi cục Hải quan cửa khẩu Cảng Đ có Thông báo số 677/TB-HQC về việc thụ lý giải quyết khiếu nại lần đầu gửi Công ty P. Ngày 05/11/2019, Chi cục Hải quan cửa khẩu Cảng Đ có Giấy mời số 721/GM-HQC gửi Công ty P để mời đối thoại giải quyết khiếu nại. Ngày 07/11/2019, đại diện của Chi cục Hải quan cửa khẩu Cảng Đ và đại diện của Công ty cùng tiến hành đối thoại; kết quả đại diện Công ty P vẫn bảo lưu quan điểm của Đơn khiếu nại ngày 30/9/2019. Ngày 08/11/2019, Chi cục trưởng Chi cục Hải quan cửa khẩu Cảng Đ ban hành Quyết định số 734/QĐ-HQC về việc giải quyết khiếu nại lần đầu; kết quả: giữ nguyên Quyết định số 578 ngày 30/8/2019 của Chi cục trưởng Chi cục Hải quan cửa khẩu Cảng Đ.

Giải quyết khiếu nại lần 2: Ngày 20/11/2019, Cục Hải quan tỉnh Đ nhận được Đơn khiếu nại số 500/TMDK ngày 19/11/2019 của Công ty P khiếu nại đề nghị Cục Hải quan tỉnh Đ ra quyết định hủy bỏ Quyết định ấn định thuế số 578/QĐ-HQC ngày 30/8/2019 của Chi cục trưởng Chi cục Hải quan cửa khẩu Cảng Đ và hoàn trả lại số tiền thuế đã truy thu là 12.188.674.084 đồng. Ngày 26/11/2019, Cục Hải quan tỉnh Đ có Thông báo số 1990/TB-HQĐT về việc thụ lý giải quyết khiếu nại lần hai gửi Công ty P. Ngày 26/11/2019, Cục Hải quan tỉnh Đ ban hành Quyết định số 356/QĐ-HQĐT về việc giao nhiệm vụ xác minh nội dung khiếu nại. Ngày 26/11/2019, Cục Hải quan tỉnh Đ ban hành Quyết định số 357/QĐ-HQĐT về việc xác minh nội dung khiếu nại. Ngày 27, 29/11/2019, đại diện của Cục Hải quan tỉnh Đ làm việc với đại diện của Chi cục Hải quan cửa khẩu Cảng Đ để xác minh, làm rõ nội dung khiếu nại của Công ty P. Ngày

27/11/2019, Cục Hải quan Tỉnh có Giấy mời số 1991/GM-HQĐT gửi Công ty P để mời đối thoại giải quyết khiếu nại. Ngày 05/12/2019, đại diện của Cục Hải quan tỉnh Đ và đại diện của Công ty cùng tiến hành đối thoại; kết quả đại diện Công ty P vẫn bảo lưu quan điểm của Đơn khiếu nại ngày 19/11/2019. Ngày 13/02/2019, Cục trưởng Cục Hải quan tỉnh Đ ban hành Quyết định số 410/QĐ-HQĐT về việc giải quyết khiếu nại lần 2; kết quả: Công nhận và giữ nguyên Quyết định số 578 ngày 30/8/2019 và Quyết định số 734 ngày 08/11/2019 của Chi cục trưởng Chi cục Hải quan cửa khẩu Cảng Đ.

Quá trình thụ lý, giải quyết khiếu nại đảm bảo đúng trình tự, thẩm quyền, thời gian và quy định của pháp luật (Luật khiếu nại năm 2011; Thông tư 07/2013/TT-TTCP ngày 31/10/2013 của Thanh tra Chính phủ quy định quy trình giải quyết khiếu nại hành chính; Quyết định 4195/QĐ-TCHQ ngày 18/12/2017 của Tổng cục Hải quan ban hành quy chế phối hợp tiếp nhận, phân loại và giải quyết khiếu nại tại cơ quan Hải quan).

3. Những quy định có liên quan được áp dụng:

3.1. Việc làm thủ tục Hải quan và hoàn thuế đối với 03 tờ khai nêu trên

Trong thời điểm làm thủ tục Hải quan cho 03 tờ khai nêu trên; ngoài các quy định của pháp luật hiện hành, còn phải áp dụng thực hiện Công văn số 12802/BTC-TCHQ ngày 14/9/2016 và Công văn số 13959/BTC-TCHQ ngày 04/10/2016 của Bộ Tài chính.

Theo quy định tại điểm a, b, khoản 2.1, mục 2 của Công văn số 12802/BTC-TCHQ ngày 14/9/2016 của Bộ Tài chính thì người khai Hải quan phải nộp bản chính C/O tại thời điểm đăng ký, nộp hồ sơ Hải quan.

Theo quy định tại mục 3 của Công văn số 13959/BTC-TCHQ ngày 04/10/2016 của Bộ Tài chính thì thời điểm nộp c/o đối với những hàng hóa nhập khẩu thuộc các hoạt động điều tiết giá của Nhà nước theo Luật quản lý giá và các văn bản hướng dẫn thi hành sẽ được hướng dẫn riêng.

Khi tiếp nhận làm thủ tục Hải quan cho 03 tờ khai của Công ty P nêu trên; do hiểu không đầy đủ quy định về hàng hóa nhập khẩu thuộc các hoạt động điều tiết giá của Nhà nước nên công chức Chi cục Hải quan cửa khẩu Cảng Đ đã chấp thuận cho nợ C/O tại thời điểm làm thủ tục Hải quan theo đề nghị của Công ty P, áp dụng quy định tại mục 1, 2 của Công văn số 13959/BTC-TCHQ ngày 04/10/2016 của Bộ Tài chính. Sau khi Công ty nộp đầy đủ C/O thì chấp thuận cho Công ty được hưởng thuế suất ưu đãi đặc biệt nên sau đó thực hiện hoàn thuế theo đề nghị của Công ty.

Sau khi rà soát lại quy định hiện hành và theo chỉ đạo của Tổng cục Hải quan, Chi cục Hải quan cửa khẩu Cảng Đ tiến hành ra quyết định ấn định truy thu lại 12.188.674.084 đồng số tiền thuế đã hoàn cho Công ty P vì 03 tờ khai này không đủ điều kiện để áp dụng thuế suất ưu đãi đặc biệt (trong khoảng thời gian từ ngày 14/9/2016 đến ngày 08/3/2017, để được hưởng thuế suất ưu đãi đặc biệt, người khai Hải quan khi làm thủ tục cho xăng dầu nhập khẩu phải nộp C/O (đối với C/O form D) tại thời điểm làm thủ tục Hải quan; tuy nhiên đối với 03 tờ

khai này, khi làm thủ tục Hải quan thì Công ty đều có công văn xin nợ C/O, không nộp C/O tại thời điểm làm thủ tục Hải quan).

3.2. Những quy định có liên quan về thời điểm nộp C/O

3.2.1. Quy định trong nước về thời điểm nộp C/O

Điều 4, Nghị định số 19/2006/NĐ-CP ngày 20/02/2006 của Chính phủ quy định về Quy tắc xuất xứ ưu đãi theo các điều ước quốc tế như sau: “Việc xác định xuất xứ hàng hóa xuất khẩu, hàng hóa nhập khẩu để được hưởng chế độ ưu đãi thuế quan và phi thuế quan được áp dụng theo các Điều ước quốc tế mà Việt Nam ký kết hoặc gia nhập và các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan quy định chi tiết việc thi hành các Điều ước này.

Điều 13, Nghị định số 19/2006/NĐ-CP ngày 20/02/2006 của Chính phủ quy định các trường hợp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa nhập khẩu phải nộp cho cơ quan Hải quan:

“Trong những trường hợp sau, Giấy chứng nhận xuất xứ đối với hàng hóa nhập khẩu phải nộp cho cơ quan Hải quan tại thời điểm làm thủ tục Hải quan:

1. Hàng hóa có xuất xứ từ nước hoặc nhóm nước được Việt Nam cho hưởng các ưu đãi về thuế quan và phi thuế quan theo quy định của pháp luật Việt Nam và theo các Điều ước quốc tế mà Việt Nam ký kết hoặc gia nhập, nếu người nhập khẩu muốn được hưởng các chế độ ưu đãi đó...”

Điều 13 Nghị định số 19/2006/NĐ-CP của Chính phủ quy định nộp cho cơ quan Hải quan tại thời điểm làm thủ tục Hải quan Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa có xuất xứ từ nước hoặc nhóm nước được Việt Nam cho hưởng các ưu đãi về thuế quan và phi thuế quan theo quy định để được hưởng ưu đãi thuế.

3.2.2. Thẩm quyền về hướng dẫn xác định xuất xứ

Khoản 4, Điều 24 Luật Hải quan quy định: “Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mẫu tờ khai hải quan, việc sử dụng tờ khai hải quan và chứng từ thay thế tờ khai Hải quan, các trường hợp phải nộp, xuất trình chứng từ có liên quan quy định tại khoản 1, Điều 24”.

Khoản 3, Điều 27, Luật Hải quan quy định: “Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định thủ tục, thẩm quyền, thời hạn xác định xuất xứ hàng hóa”.

Theo đó, Bộ trưởng Bộ Tài chính có thẩm quyền hướng dẫn về thời điểm nộp, xuất trình C/O. Bộ Tài chính ban hành Thông tư 38/2015/TT-BTC ngày 25/3/2015; điểm a khoản 2 Điều 26 Thông tư 38/2015/TT-BTC quy định việc kiểm tra xác định xuất xứ hàng hóa nhập khẩu như sau:

“Người khai hải quan nộp chứng từ chứng nhận xuất xứ hàng hóa nhập khẩu cho cơ quan hải quan theo quy định tại điểm g khoản 2 Điều 16 Thông tư này tại thời điểm nộp bộ hồ sơ hải quan hoặc trong thời hạn theo quy định tại các điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên.

Trường hợp chưa nộp chứng từ chứng nhận xuất xứ tại thời điểm khai hải quan, người khai hải quan khai theo mức thuế suất thuế nhập khẩu ưu đãi tối huệ quốc (sau đây gọi tắt là thuế suất MFN) hoặc thông thường. Khi nộp bổ sung chứng từ chứng nhận xuất xứ trong thời hạn theo quy định, người khai hải

quan khai bổ sung theo mức thuế suất ưu đãi đặc biệt tương ứng, được hoàn trả số tiền thuế chênh lệch đã nộp; trường hợp lô hàng thuộc diện miễn kiểm tra hồ sơ khi khai hải quan, người khai hải quan phải nộp bổ sung bộ hồ sơ hải quan theo quy định tại khoản 2 Điều 16 Thông tư này khi nộp bổ sung chứng từ chứng nhận xuất xứ ”.

“*Thời hạn quy định*” được quy định tại Điều 26 Thông tư số 38/2015/TT-BTC là thời hạn được pháp luật quy định cho phép nộp C/O để hưởng ưu đãi thuế.

3.3. Thực hiện cam kết quốc tế về thời hạn nộp C/O

Khoản 1, Điều 5 Luật Hải quan quy định: “*7. Trong trường hợp điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên có quy định khác với quy định của Luật này thì áp dụng quy định của điều ước quốc tế đó...*”

Điều 6 Luật Điều ước quốc tế quy định về việc tổ chức thực hiện theo điều ước quốc tế và thỏa thuận quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên hoặc thỏa thuận quốc tế đã ký kết. Theo đó:

Về thời điểm nộp C/O: Quy tắc 13, Phụ lục 8, Hiệp định thương mại hàng hóa ASEAN (ATIGA) quy định “*Để được hưởng ưu đãi thuế quan, tại thời điểm làm thủ tục nhập khẩu, người nhập khẩu phải nộp cho cơ quan hải quan nước nhập khẩu tờ khai, C/O, kèm các chứng từ chứng minh (như hóa đơn thương mại, và vận tải đơn chở suốt được cấp trên lãnh thổ của nước thành viên xuất khẩu khi được yêu cầu) và các tài liệu khác theo quy định của pháp luật nước thành viên nhập khẩu.*

Về thời hạn hiệu lực của C/O: Quy tắc 14, Phụ lục 8 của Hiệp định ATIGA quy định “*C/O có hiệu lực trong vòng mười hai (12) tháng kể từ ngày cấp và phải được nộp cho cơ quan hải quan nước thành viên nhập khẩu trong thời hạn đó*”.

Như trên, thời điểm nộp C/O được quy định cụ thể trong cam kết quốc tế là tại thời điểm làm thủ tục hải quan. Hiệu lực của C/O là 12 tháng kể từ ngày cấp (C/O phải được nộp tại thời điểm làm thủ tục hải quan và phải còn giá trị hiệu lực tại thời điểm nộp).

Chương quy tắc xuất xứ của Hiệp định ATIGA được nội luật hóa theo quy định tại Thông tư số 21/2010/TT-BTC (được thay thế bởi Thông tư số 22/2016/TT-BTC), cụ thể: “*Để được hưởng ưu đãi thuế quan, tại thời điểm làm thủ tục nhập khẩu, người nhập khẩu phải nộp cho cơ quan Hải quan nước nhập khẩu tờ khai, C/O mẫu D, kèm các chứng từ chứng minh...*” (Điều 13, Phụ lục 7).

“*C/O có hiệu lực trong vòng mười hai (12) tháng kể từ ngày cấp và phải được nộp cho cơ quan Hải quan nước thành viên nhập khẩu trong thời hạn đó...*” (Điều 14, Phụ lục 7).

Như vậy, theo quy định trên được hiểu là nộp C/O tại thời điểm làm thủ tục Hải quan để được hưởng ưu đãi thuế quan và C/O tại thời điểm nộp vẫn còn giá trị hiệu lực.

Tại phiên tòa, ông Nguyễn Hữu T2 trình bày: Việc giải quyết khiếu nại của Cục trưởng cục Hải quan tỉnh Đ là đúng theo quy định của pháp luật. Việc trình bày và yêu cầu của người đại diện cho Công ty P là chưa phù hợp và không đúng quy định của pháp luật. Cục trưởng cục Hải quan tỉnh Đ không đồng ý theo yêu cầu của Công ty P.

- Theo Công văn số 110/HQC ngày 20/01/2021 của Chi cục trưởng Chi Cục Hải quan cửa khẩu Cảng Đ là người bị kiện trình bày:

1. Thực hiện thủ tục Hải quan và hoàn thuế 03 tờ khai có liên quan:

Công ty cổ phần thương mại dầu khí Đ (tên trước đây là Công ty TNHH MTV thương mại dầu khí Đ; tên viết tắt là Công ty P và sau đây gọi tắt là Công ty) có mã số thuế 1400147351, địa chỉ số 140, Quốc lộ 30, phường Mỹ Phú, thành phố Đ, tỉnh Đ. Từ ngày 20/10/2016 đến ngày 20/01/2017, Công ty có đăng ký 03 tờ khai tại Chi cục Hải quan cửa khẩu Cảng Đ (sau đây gọi tắt là Chi cục) để làm thủ tục nhập khẩu mặt hàng Dầu Gasoil 0,05% Sulphur, mã số hàng hóa 27101972 với tổng trọng lượng là 14.266,3 tấn. Cụ thể:

1.1. Tờ khai số 101088601242/A11/49C1, trọng lượng 4.824,79 tấn, trị giá 2.245.297,6 USD.

Ngày 20/10/2016, Công ty đăng ký mở tờ khai số 101088601242/A11, khai báo theo thuế suất nhập khẩu thông thường.

Ngày 21/10/2016, Công ty nộp cho Chi cục Công văn số 909/TMDK-XNK ngày 20/10/2016 xin nợ C/O của lô hàng này.

Ngày 24/10/2016, Công ty đã nộp đầy đủ tổng số tiền thuế nhập khẩu theo thuế suất thông thường là 9.240.858.285 đồng. Sau khi Công ty nộp đủ thuế, tờ khai này được Chi cục thông quan trong ngày 24/10/2016.

Sau khi thông quan, ngày 25/10/2016 Công ty khai sửa điều chỉnh thuế nhập khẩu theo thuế suất ưu đãi đặc biệt tại tờ khai số 730030437950.

Ngày 26/10/2016, Công ty gửi đến Chi cục Công văn số 922/TMDK-XNK ngày 26/10/2016 xin nộp bổ sung C/O mẫu D của lô hàng này.

Ngày 10/11/2016, Công ty gửi đến Chi cục Công văn số 969/TMDK-XNK ngày 10/11/2016 xin hoàn phần tiền thuế chênh lệch của lô hàng do hưởng thuế suất ưu đãi đặc biệt với số tiền là 4.020.034.395 đồng.

Ngày 11/11/2016, Chi cục Hải quan cửa khẩu Cảng Đ ra Quyết định số 527/QĐ-HQCKC để hoàn thuế cho Công ty với số tiền 4.020.034.395 đồng.

1.2. Tờ khai số 101106366322/A11/49C1, trọng lượng 4.863,99 tấn, trị giá 2.270.556,08 USD.

Ngày 01/11/2016, Công ty đăng ký mở tờ khai số 101106366322/A11, khai báo theo thuế suất nhập khẩu thông thường; đồng thời, Công ty nộp cho Chi cục Công văn số 939/TMDK-XNK ngày 01/11/2016 xin nợ C/O của lô hàng này.

Ngày 02/11/2016, Công ty đã nộp đầy đủ tổng số tiền thuế nhập khẩu theo thuế suất thông thường là 9.350.953.195 đồng. Sau khi Công ty nộp đủ thuế, tờ khai này được Chi cục thông quan trong ngày 02/11/2016.

Ngày 07/11/2016, Công ty gửi đến Chi cục Công văn số 954/TMDK- XNK ngày 07/11/2016 xin nộp bổ sung C/O mẫu D của lô hàng này. Đồng thời, Công ty khai sửa sau thông quan điều chỉnh thuế nhập khẩu theo thuế suất ưu đãi đặc biệt tại tờ khai số 730033337940.

Ngày 10/11/2016, Công ty gửi đến Chi cục Công văn số 970/TMDK- XNK ngày 10/11/2016 xin hoàn phần tiền thuế chênh lệch của lô hàng do hưởng thuế suất ưu đãi đặc biệt với số tiền là 4.067.928.791 đồng.

Ngày 11/11/2016, Chi cục Hải quan cửa khẩu Cảng Đ ra Quyết định số 528/QĐ-HQCKC để hoàn thuế cho Công ty với số tiền 4.067.928.791 đồng.

1.3. Tờ khai số 101238540213/A11/49C1, trong lượng 4.577,52 tấn, trị giá 2.257.742,43 USD.

- Ngày 20/01/2017, Công ty đăng ký mở tờ khai số 101238540213/A11, khai báo theo thuế suất nhập khẩu thông thường; đồng thời, Công ty nộp cho Chi cục Công văn số 94/TMDK-XNK ngày 20/01/2017 xin nợ C/O của lô hàng này.

Ngày 23/01/2017, Công ty đã nộp đầy đủ tổng số tiền thuế nhập khẩu theo thuế suất thông thường là 9.426.309.469 đồng. Sau khi Công ty nộp đủ thuế, tờ khai này được Chi cục thông quan trong ngày 23/01/2017.

Ngày 03/02/2017, Công ty gửi đến Chi cục Công văn số 125/TMDK- XNK ngày 02/02/2017 xin nộp bổ sung C/O mẫu D của lô hàng này.

Sau khi thông quan, ngày 07/02/2017 Công ty khai sửa điều chỉnh thuế nhập khẩu theo thuế suất ưu đãi đặc biệt tại tờ khai số 730046456200.

Ngày 09/02/2017, Công ty gửi đến Chi cục Công văn số 150/TMDK- XNK ngày 09/02/2017 xin hoàn phần tiền thuế chênh lệch của lô hàng do hưởng thuế suất ưu đãi đặc biệt với số tiền là 4.100.710.898 đồng.

Ngày 15/02/2017, Chi cục Hải quan cửa khẩu Cảng Đ ra Quyết định số 64/QĐ-HQCKC để hoàn thuế cho Công ty với số tiền 4.100.710.898 đồng.

2. Thực hiện ấn định thuế và giải quyết khiếu nại.

2.1. Ấn định thuế (truy thu lại số thuế đã được hoàn của 03 tờ khai nêu trên với số tiền 12.188.674.084 đồng).

Ngày 06/11/2017, Cục Hải quan tỉnh, Chi cục Hải quan cửa khẩu Cảng Đ nhận được Công văn 7143/TCHQ-GSQL ngày 02/11/2017 của Tổng cục Hải quan về việc vướng mắc thời điểm nộp C/O. Nội dung công văn này có ý kiến với Tổng công ty xăng dầu Việt Nam và gửi các Cục Hải quan tỉnh thành phố để thực hiện. Trong nội dung công văn có đoạn: *"Do vậy, đối với các tờ khai đăng ký từ ngày 09/3/2017 nhập khẩu hàng hóa thuộc hoạt động điều tiết giá bao gồm mặt hàng xăng dầu được nộp bổ sung trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày đăng ký tờ khai Hải quan nếu có khai báo việc nộp bổ sung C/O trên tờ khai Hải quan; không áp dụng việc nộp bổ sung đối với các tờ khai từ ngày 14/9/2016 đến trước ngày 09/3/2017"* Căn cứ nội dung này, 03 tờ khai liên quan nêu trên có thời gian đăng ký vào các ngày 20/10/2016, 01/11/2016 và 20/01/2017 (trong khoảng thời gian từ ngày 14/9/2016 đến trước ngày 09/3/2017) thuộc trường

hợp phải nộp C/O tại thời điểm làm thủ tục Hải quan; không thuộc trường hợp được bổ sung C/O trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày đăng ký tờ khai hải quan.

Ngày 05/8/2019, Cục Hải quan Tỉnh, Chi cục Hải quan cửa khẩu Cảng Đ nhận được Công văn 4893/TCHQ-GSQL ngày 30/7/2019 của Tổng cục Hải quan về việc vướng mắc C/O xăng dầu. Theo nội dung của Công văn, Tổng cục Hải quan xác định “... các tờ khai nhập khẩu xăng dầu đăng ký từ thời điểm ngày 14/9/2016 đến ngày 08/3/2017 không nộp C/O tại thời điểm làm thủ tục Hải quan thì không đủ điều kiện áp dụng thuế suất ưu đãi đặc biệt ” và “Yêu cầu các đơn vị thông báo các doanh nghiệp liên quan biết và tiến hành truy thu số thuế đã hoàn trước đó cho các tờ khai nhập khẩu xăng dầu do không đủ điều kiện để áp dụng thuế suất ưu đãi đặc biệt”.

Ngày 21/8/2019, Cục Hải quan Tỉnh nhận được Công văn 2521/GSQL-GQ4 ngày 16/8/2019 về việc vướng mắc C/O gửi Công ty P và Cục Hải quan tỉnh Đ. Trong nội dung công văn này, Tổng cục Hải quan đề nghị Công ty thực hiện theo đúng hướng dẫn của Tổng cục Hải quan.

Chấp hành ý kiến chỉ đạo của cấp trên, ngày 29/8/2019, Chi cục Hải quan cửa khẩu Cảng Đ ban hành Thông báo số 573/TB-HQC về việc nộp lại số tiền thuế 12.188.674.084 đồng đã hoàn của 03 tờ khai nêu trên; gửi đến Công ty P đề nghị thực hiện. Ngày 30/8/2019, Chi cục Hải quan cửa khẩu Cảng Đ ban hành Quyết định ấn định thuế số 578/QĐ-HQC gửi đến Công ty P để yêu cầu chấp hành nộp lại số tiền thuế 12.188.674.084 đồng đã hoàn của 03 tờ khai nêu trên.

Ngày 03/9/2019, Công ty P chấp hành Quyết định ấn định thuế số 578/QĐ-HQC của Chi cục trưởng Chi cục Hải quan cửa khẩu Cảng Đ, nộp lại xong số tiền 12.188.674.084 đồng.

2.2. Giải quyết khiếu nại

Ngày 30/9/2019, Chi cục Hải quan cửa khẩu Cảng Đ nhận được Đơn khiếu nại số 407/TMDK ngày 30/9/2019 của Công ty P khiếu nại Quyết định ấn định thuế số 578/QĐ-HQC ngày 30/8/2019 của Chi cục trưởng Chi cục Hải quan cửa khẩu Cảng Đ và hoàn trả lại số tiền thuế đã truy thu là 12.188.674.084 đồng.

Ngày 11/10/2019, Chi cục Hải quan cửa khẩu Cảng Đ có Thông báo số 677/TB-HQC về việc thụ lý giải quyết khiếu nại lần đầu gửi Công ty P. Ngày 05/11/2019, Chi cục Hải quan cửa khẩu Cảng Đ có Giấy mời số 721/GM-HQC gửi Công ty P để mời đối thoại giải quyết khiếu nại. Ngày 07/11/2019, đại diện của Chi cục Hải quan cửa khẩu Cảng Đ và đại diện của Công ty cùng tiến hành đối thoại; kết quả đại diện Công ty P vẫn bảo lưu quan điểm của Đơn khiếu nại số 407/TMDK ngày 30/9/2019.

Ngày 08/11/2019, Chi cục Hải quan cửa khẩu Cảng Đ ban hành Quyết định số 734/QĐ-HQC về việc giải quyết khiếu nại; Kết quả: giữ nguyên Quyết định số 578 ngày 30/8/2019 của Chi cục trưởng Chi cục Hải quan cửa khẩu Cảng Đ về việc ấn định thuế đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu.

Việc giải quyết khiếu nại đảm bảo đúng trình tự, thẩm quyền, thời gian và quy định của pháp luật (Luật khiếu nại năm 2011; Thông tư 07/2013/TT-TTCP

ngày 31/10/2013 của Thanh tra Chính phủ quy định quy trình giải quyết khiếu nại hành chính; Quyết định 4195/QĐ-TCHQ ngày 18/12/2017 của Tổng cục Hải quan ban hành quy chế phối hợp tiếp nhận, phân loại và giải quyết khiếu nại tại Cơ quan Hải quan).

3. Những quy định có liên quan được áp dụng

3.1. Việc làm thủ tục hải quan và hoàn thuế đối với 03 tờ khai nêu trên.

Trong thời điểm làm thủ tục hải quan cho 03 tờ khai nêu trên; ngoài các quy định của pháp luật hiện hành, còn phải áp dụng thực hiện Công văn số 12802/BTC-TCHQ ngày 14/9/2016 và Công văn số 13959/BTC-TCHQ ngày 04/10/2016 của Bộ Tài chính.

Theo quy định tại điểm a, b, khoản 2.1, mục 2 của Công văn số 12802/BTC-TCHQ ngày 14/9/2016 của Bộ Tài chính thì người khai hải quan phải nộp bản chính C/O tại thời điểm đăng ký, nộp hồ sơ hải quan.

Theo quy định tại mục 3 của Công văn số 13959/BTC-TCHQ ngày 04/10/2016 của Bộ Tài chính thì thời điểm nộp C/O đối với những hàng hóa nhập khẩu thuộc các hoạt động điều tiết giá của Nhà nước theo Luật quản lý giá và các văn bản hướng dẫn thi hành sẽ được hướng dẫn riêng.

Khi tiếp nhận làm thủ tục hải quan cho 03 tờ khai của Công ty P nêu trên; do chưa hiểu đầy đủ quy định hàng hóa nhập khẩu thuộc các hoạt động điều tiết giá của Nhà nước, nên công chức thuộc Chi cục đã chấp thuận cho nợ chứng từ theo quy định pháp luật hải quan, cụ thể là nợ C/O tại thời điểm làm thủ tục hải quan, đã thực hiện theo hướng dẫn tại mục 1, 2 Công văn số 13959/BTC-TCHQ ngày 04/10/2016 của Bộ Tài chính. Sau khi Công ty nộp đầy đủ C/O thì chấp thuận cho Công ty được hưởng thuế suất ưu đãi đặc biệt, nên sau đó thực hiện hoàn thuế theo đề nghị của Công ty.

Thực hiện công tác phúc tra hồ sơ sau thông quan, phúc tra hồ sơ sau hoàn thuế theo quy định; đồng thời sau khi rà soát lại quy định hiện hành và theo chỉ đạo của Tổng cục Hải quan, Chi cục Hải quan cửa khẩu Cảng Đ tiến hành ra quyết định ấn định truy thu lại 12.188.674.084 đồng số tiền thuế đã hoàn cho Công ty P vì 03 tờ khai này không đủ điều kiện để áp dụng thuế suất ưu đãi đặc biệt (trong khoảng thời gian từ ngày 14/9/2016 đến ngày 08/3/2017, để được hưởng thuế suất ưu đãi đặc biệt, người khai hải quan khi làm thủ tục cho xăng dầu nhập khẩu phải nộp C/O (đối với C/O form D) tại thời điểm làm thủ tục hải quan; tuy nhiên đối với 03 tờ khai này, khi làm thủ tục hải quan thì Công ty đều có công văn xin nợ C/O - không nộp C/O tại thời điểm làm thủ tục hải quan).

3.2. Những quy định có liên quan về thời điểm nộp C/O

3.2.1 Quy định trong nước về thời điểm nộp C/O

Điều 4, Nghị định số 19/2006/NĐ-CP ngày 20/02/2006 của Chính phủ quy định về Quy tắc xuất xứ ưu đãi theo các điều ước quốc tế như sau: “Việc xác định xuất xứ hàng hóa xuất khẩu, hàng hóa nhập khẩu để được hưởng chế độ ưu đãi thuế quan và phí thuế quan được áp dụng theo các Điều ước quốc tế mà Việt

Nam ký kết hoặc gia nhập và các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan quy định chi tiết việc thi hành các Điều ước này”.

Điều 13, Nghị định số 19/2006/NĐ-CP ngày 20/02/2006 của Chính phủ quy định các trường hợp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa nhập khẩu phải nộp cho Cơ quan Hải quan:

“ Trong những trường hợp sau, Giấy chứng nhận xuất xứ đối với hàng hóa nhập khẩu phải nộp cho cơ quan Hải quan tại thời điểm làm thủ tục hải quan:

1. Hàng hóa có xuất xứ từ nước hoặc nhóm nước được Việt Nam cho hưởng các ưu đãi về thuế quan và phí thuế quan theo quy định của pháp luật Việt Nam và theo các Điều ước quốc tế mà Việt Nam ký kết hoặc gia nhập, nếu người nhập khẩu muốn được hưởng các chế độ ưu đãi đó... ”

Điều 13 Nghị định số 19/2006/NĐ-CP của Chính phủ quy định nộp cho Cơ quan Hải quan tại thời điểm làm thủ tục hải quan Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa có xuất xứ từ nước hoặc nhóm nước được Việt Nam cho hưởng các ưu đãi về thuế quan và phí thuế quan theo quy định để được hưởng ưu đãi thuế.

3.2.2 Thẩm quyền về hướng dẫn xác định xuất xứ

Khoản 4, Điều 24 Luật Hải quan quy định: *“Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mẫu tờ khai hải quan, việc sử dụng tờ khai hải quan và chứng từ thay thế tờ khai Hải quan, các trường hợp phải nộp, xuất trình chứng từ có liên quan quy định tại khoản 1, Điều 24”.*

Khoản 3, Điều 27, Luật Hải quan quy định: *“Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định thủ tục, thẩm quyền, thời hạn xác định xuất xứ hàng hóa”.*

Theo đó, Bộ trưởng Bộ Tài chính có thẩm quyền hướng dẫn về thời điểm nộp, xuất trình C/O. Bộ Tài chính ban hành Thông tư 38/2015/TT-BTC ngày 25/3/2015; điểm a, khoản 2, Điều 26 Thông tư 38/2015/TT-BTC quy định việc kiểm tra xác định xuất xứ hàng hóa nhập khẩu như sau:

“Người khai hải quan nộp chứng từ chứng nhận xuất xứ hàng hóa nhập khẩu cho cơ quan hải quan theo quy định tại điểm g khoản 2 Điều 16 Thông tư này tại thời điểm nộp bộ hồ sơ hải quan hoặc trong thời hạn theo quy định tại các Điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên.

Trường hợp chưa nộp chứng từ chứng nhận xuất xứ tại thời điểm khai hải quan, người khai hải quan khai theo mức thuế suất thuế nhập khẩu ưu đãi tối huệ quốc (sau đây gọi tắt là thuế suất MFN) hoặc thông thường. Khi nộp bổ sung chứng từ chứng nhận xuất xứ trong thời hạn theo quy định, người khai hải quan khai bổ sung theo mức thuế suất ưu đãi đặc biệt tương ứng, được hoàn trả số tiền thuế chênh lệch đã nộp; trường hợp lô hàng thuộc diện miễn kiểm tra hồ sơ khi khai hải quan, người khai hải quan phải nộp bổ sung bộ hồ sơ hải quan theo quy định tại khoản 2 Điều 16 Thông tư này khi nộp bổ sung chứng từ chứng nhận xuất xứ”.

“ Thời hạn quy định” được quy định tại Điều 26 Thông tư số 38/2015/TT-BTC là thời hạn được pháp luật quy định cho phép nộp C/O để hưởng ưu đãi thuế”

3.3 Thực hiện cam kết quốc tế về thời hạn nộp C/O

Khoản 1, Điều 5 Luật Hải quan quy định: *“1. Trong trường hợp điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên có quy định khác với quy định của Luật này thì áp dụng quy định của Điều ước quốc tế đó”*.

Điều 6 Luật Điều ước quốc tế quy định về việc tổ chức thực hiện theo điều ước quốc tế và thỏa thuận quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên hoặc thỏa thuận quốc tế đã ký kết. Theo đó:

Về thời điểm nộp C/O: Quy tắc 13, Phụ lục 8, Hiệp định thương mại hàng hóa ASEAN (ATIGA) quy định *“Để được hưởng ưu đãi thuế quan, tại thời điểm làm thủ tục nhập khẩu, người nhập khẩu phải nộp cho cơ quan hải quan nước nhập khẩu tờ khai, C/O, kèm các chứng từ chứng minh (như hóa đơn thương mại, và vận tải đơn chở suốt được cấp trên lãnh thổ của nước thành viên xuất khẩu khi được yêu cầu) và các tài liệu khác theo quy định của pháp luật nước thành viên nhập khẩu”*.

Về thời hạn hiệu lực của C/O: Quy tắc 14, Phụ lục 8 của Hiệp định ATIGA quy định *“C/O có hiệu lực trong vòng mười hai (12) tháng kể từ ngày cấp và phải được nộp cho cơ quan hải quan nước thành viên nhập khẩu trong thời hạn đó”*.

Như trên, thời điểm nộp C/O được quy định cụ thể trong cam kết quốc tế là tại thời điểm làm thủ tục hải quan. Hiệu lực của C/O là 12 tháng kể từ ngày cấp (C/O phải được nộp tại thời điểm làm thủ tục Hải quan và phải còn giá trị hiệu lực tại thời điểm nộp).

Chương quy tắc xuất xứ của Hiệp định ATIGA được nội luật hóa theo quy định tại Thông tư số 21/2010/TT-BTC (được thay thế bởi Thông tư số 22/2016/TT-BTC), cụ thể: *“Để được hưởng ưu đãi thuế quan, tại thời điểm làm thủ tục nhập khẩu, người nhập khẩu phải nộp cho Cơ quan Hải quan nước nhập khẩu tờ khai, C/O mẫu D, kèm các chứng từ chứng minh...”* (Điều 13, Phụ lục 7).

“C/O có hiệu lực trong vòng mười hai (12) tháng kể từ ngày cấp và phải được nộp cho cơ quan Hải quan nước thành viên nhập khẩu trong thời hạn đó...” (Điều 14, Phụ lục 7).

Như vậy, theo quy định trên được hiểu là nộp C/O tại thời điểm làm thủ tục Hải quan để được hưởng ưu đãi thuế quan và C/O tại thời điểm nộp vẫn còn giá trị hiệu lực.

Tại phiên tòa, ông Nguyễn Văn Q trình bày: Việc Chi cục Hải quan cửa khẩu cảng Đ cho Công ty P nợ C/O trong thời hạn 30 ngày, hoàn tiền thuế lại cho Công ty P là thực hiện đúng theo trình tự thủ tục quy định của pháp luật. Chi cục trưởng Chi cục Hải quan cửa khẩu cảng Đ thực hiện việc ấn định thuế, truy thu thuế là thực hiện đúng theo quy định của pháp luật và hướng dẫn của Bộ Tài chính. Quyết định giải quyết khiếu nại của Chi cục trưởng Chi cục Hải quan cửa khẩu cảng Đ có ghi Cục Hải quan tỉnh Đồng Nai là do có sai sót nhưng không ảnh hưởng đến quyết định. Chi cục trưởng Chi cục Hải quan cửa khẩu Cảng Đ thực hiện việc ấn định thuế, truy thu thuế và giải quyết khiếu nại lần đầu đối với

Công ty P là đúng theo quy định của pháp luật nên không đồng ý theo yêu cầu của Công ty P.

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Công ty Thương mại cổ phần dầu khí Đ – Luật sư Huỳnh Thị Quỳnh H2 trình bày và đề nghị:

Công ty P nộp bổ sung C/O đúng thời hạn và đề nghị được hưởng áp dụng mức thuế suất ưu đãi đặc biệt đúng trình tự thủ tục và đúng quy định của pháp luật. Căn cứ theo Công văn số 909 ngày 20/10/2016, Công văn số 939 ngày 01/11/2016, Công văn số 94 ngày 20/01/2017, Chi cục Hải quan cửa khẩu Cảng Đ thống nhất cho nợ C/O trong thời hạn 30 ngày nhưng Công ty P đã nộp bổ sung C/O đối với 3 tờ khai lần 1 là 06 ngày, lần 2 là 07 ngày, lần 3 là 13 ngày. Cán bộ Chi cục Hải quan cửa khẩu cảng Đ và Chi cục trưởng Chi cục Hải quan cửa khẩu cảng Đ chấp nhận cho Công ty P nợ C/O và hướng dẫn thủ tục xin chậm nộp C/O mẫu D để được nhận thuế suất ưu đãi đặc biệt.

Công ty P được nợ C/O đối với các hồ sơ khai thuế vào các ngày ngày 20/10/2016, ngày 01/11/2016, ngày 20/01/2017 là có cơ sở và đúng quy định pháp luật. Lý do, Công ty P xin nợ C/O là do bên nước xuất khẩu (Thái Lan) xin nợ C/O do thủ tục cấp C/O của các lô hàng nêu trên có sai sót cần phải điều chỉnh, thời gian chuyển phát bưu phẩm chứng nhận C/O từ nước xuất khẩu phải mất từ 03 đến 05 ngày nên Công ty P phải xin nợ C/O tại thời điểm đăng ký tờ khai hải quan. Căn cứ theo Hiệp định thương mại hàng hóa ASEAN (Hiệp định ATIGA) được nội luật hóa bằng Thông tư số 22/2016/TT-BTC ngày 03/10/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định tại khoản 2 Điều 10 Phụ lục VII: “*Trong trường hợp ngoại lệ khi C/O không được cấp vào thời điểm xuất khẩu hoặc trong thời hạn 03 ngày tính từ ngày xuất khẩu do sai sót hoặc bỏ quên hoặc bỏ quên không cố ý hoặc có lý do chính đáng, C/O có thể được cấp sau nhưng không quá 01 năm kể từ ngày xuất khẩu...*”.

Chi cục Hải quan cửa khẩu Cảng Đ cho Công ty P nợ C/O khi đăng ký tờ khai hải quan là đúng theo quy định của pháp luật. Căn cứ khoản 3 Điều 27 của Nghị định số 08/2015/NĐ-CP ngày 21/01/2015 và điểm a khoản 2 Điều 26 của Thông tư số 38/2015/TT-BTC ngày 25/3/2015 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

Công văn số 1419/HQĐT-NV ngày 19/9/2022 của Cục Hải quan tỉnh Đ là chưa phù hợp với quy định pháp luật. Theo Công văn này Cục Hải quan tỉnh Đ xác định do Chi cục Hải quan cửa khẩu cảng Đ không nghiên cứu kỹ mục 3 của Công văn 13959/BTC-TCHQ của Bộ Tài chính mà chỉ căn cứ mục 2 của công văn này nên mới chấp thuận cho Công ty P nợ C/O. Theo hướng dẫn của Công văn 13959 cũng không xác định đối với những hàng hóa nhập khẩu thuộc các hoạt động điều tiết giá của Nhà nước bắt buộc trong mọi trường hợp phải nộp C/O tại thời điểm đăng ký tờ khai hải quan và không có trường hợp ngoại lệ. Ngoài ra người bị kiện cũng không chứng minh được có văn bản hướng dẫn riêng đối với mặt hàng điều tiết giá. Chi cục Hải quan cửa khẩu Cảng Đ căn cứ Công văn 12802/BTC-TCHQ của Bộ Tài chính và Công văn 13959/BTC-TCHQ của Bộ Tài chính để ấn định thuế là chưa phù hợp vì hai công văn này là văn bản hướng dẫn nghiệp vụ trong nội bộ ngành không phải là văn bản quy phạm pháp luật. Việc ban hành quyết định ấn định thuế phải căn cứ văn bản quy phạm pháp

luật và Hiệp định thương mại quốc tế (trường hợp Việt Nam là thành viên).

Căn cứ mục 5.2 phần II Thông tư số 45/2007/TT-BTC ngày 07/5/2007 của Bộ Tài chính quy định, *“Trường hợp chưa nộp C/O tại thời điểm đăng ký tờ khai hải quan, nếu có lý do chính đáng và người khai hải quan có văn bản đề nghị được chậm nộp C/O ưu đãi đặc biệt, cam kết nộp C/O đúng trong thời hạn cho phép thì Chi cục trưởng Hải quan quyết định gia hạn thời hạn nộp C/O trong thời hạn không quá 30 ngày kể từ ngày đăng ký tờ khai hải quan”*. Từ Thông tư số 45 ngày 07/5/2007 đến Thông tư số 38 ngày 25/3/2015 đều ghi nhận việc cho nợ C/O và được hưởng thuế suất ưu đãi đặc biệt.

Căn cứ khoản 1 Điều 7 của Thông tư số 38/2018/TT-BTC ngày 20/4/2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính, quy định: ...*“Trường hợp chưa có chứng từ chứng nhận xuất xứ hàng hóa tại thời điểm làm thủ tục hải quan, người khai hải quan khai bổ sung và nộp chứng từ chứng nhận xuất xứ hàng hóa trong thời hạn ba mươi (30) ngày kể từ ngày đăng ký tờ khai hải quan, trừ hàng hóa nhập khẩu có C/O mẫu EAV, người khai hải quan nộp chứng từ chứng nhận xuất xứ hàng hóa tại thời điểm làm thủ tục hải quan”*.

Theo Công văn 4893/TCHQ-GSQL ngày 30/7/2019 của Tổng cục Hải quan và Công văn số 7143/TCHQ-GSQL ngày 02/11/2017 của Tổng cục Hải quan không cho hưởng thuế suất ưu đãi đặc biệt nếu không nộp C/O vào thời điểm làm thủ tục khai thuế hải quan đối với các tờ khai từ ngày 14/9/2016 đến ngày 08/3/2017 là không có cơ sở vì căn cứ theo Thông tư 38/2015/TT-BTC ngày 25/3/2015 của Bộ trưởng Bộ Tài chính không có quy định nào cấm nợ C/O vào thời điểm đăng ký tờ khai hải quan thì không có căn cứ nào Tổng cục hải quan không cho phép nợ C/O đối với các tờ khai từ ngày 14/9/2016 đến ngày 08/3/2017.

Công ty P được chấp nhận cho nợ, được hoàn thuế đúng quy định nhưng đến ngày 30/8/2019 Chi cục trưởng Chi cục Hải quan cửa khẩu Cảng Đ ban hành quyết định ấn định thuế số 578/QĐ-HQC ngày 30/8/2019 gửi đến Công ty P yêu cầu Công ty P nộp lại số tiền thuế là 12.188.674.084 đồng là chưa phù hợp quy định pháp luật.

Từ những chứng cứ, phân tích nêu trên, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện là Công ty P. Hủy các quyết định số 578, Quyết định số 734 của Chi cục trưởng Chi cục Hải quan cửa khẩu Cảng Đ và Quyết định số 410 của Cục trưởng Cục Hải quan tỉnh Đ; Yêu cầu Chi cục Hải quan cửa khẩu Cảng Đ hoàn trả lại cho Công ty P số tiền thuế đã nộp tổng cộng là 12.188.674.084 đồng. Rút lại yêu cầu tính tiền lãi suất đối với số tiền bị truy thu thuế là 12.188.674.084 đồng.

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện là Cục trưởng Cục Hải quan tỉnh Đ và Chi cục trưởng Chi cục Hải quan cửa khẩu cảng Đ ông Đặng Văn T4 trình bày và đề nghị:

Cục trưởng Cục Hải quan tỉnh Đ và Chi cục trưởng Chi cục Hải quan cửa khẩu cảng Đ giữ nguyên quan điểm theo nội dung của Công văn số 1545/HQĐT-NV ngày 25/9/2020 của Cục Hải quan tỉnh Đ, Công văn số

110/HQĐT-NV ngày 20/01/2021 Chi cục Cục Hải quan cửa khẩu Cảng Đ và Công văn số 1419/HQĐT-NV ngày 19/9/2022, Công văn số 1635/HQĐT-NV ngày 27/10/2022 của Cục Hải quan tỉnh Đ.

Về nội dung các quyết định hoàn thuế, quyết định ấn định thuế (truy thu thuế) và các quyết định giải quyết khiếu nại lần 1, lần 2 không căn cứ Luật giá. Theo quy định của Thông tư số 39/2015/TT-BTC ngày 25/3/2015 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về trị giá hải quan đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu và Thông tư số 60/2019/TT-BTC ngày 30/8/2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi bổ sung Thông tư số 39/2015/TT-BTC ngày 25/3/2015 của Bộ trưởng Bộ Tài chính. Cơ quan Hải quan không căn cứ luật giá để xác định giá trị hải quan mà chỉ căn cứ pháp luật về hải quan và pháp luật về thuế hiện hành.

Công ty P có nêu quan điểm về thông lệ quốc tế cho phép C/O cấp sau và nợ C/O. Cơ quan Hải quan căn cứ pháp luật về hải quan và pháp luật về thuế và các văn bản hướng dẫn dưới luật để thực hiện đúng quy định, không áp dụng thông lệ quốc tế vì pháp luật về hải quan và pháp luật về thuế và pháp luật về ngoại thương đã quy định rõ nên không được phép áp dụng thông lệ quốc tế.

Công ty P nêu các quan điểm về lý do và khó khăn ở nước ngoài chưa được cấp C/O nên mới xin nợ C/O là không phù hợp theo quy định của pháp luật Việt Nam và các Điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên.

Khi làm thủ tục nhập khẩu thì áp dụng quy định C/O nhập khẩu theo quy định của pháp luật Việt Nam và Điều ước quốc tế tại thời điểm hàng hóa nhập khẩu đến cửa khẩu đầu tiên Việt Nam để làm thủ tục nhập khẩu, không áp dụng C/O xuất khẩu.

Phía Công ty P có viện dẫn Thông tư số 45/2007/TT-BTC ngày 07/5/2007 của Bộ trưởng Bộ Tài chính. Thông tư số 45/2007/TT-BTC ngày 07/5/2007 của Bộ Tài chính đã hết hiệu lực thi hành; Thông tư số 38/2015/TT-BTC ngày 25/3/2015 của Bộ trưởng Bộ Tài chính đã bãi bỏ Thông tư số 45/2007/TT-BTC ngày 07/5/2007 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

Về “*Thời điểm nộp*” *Chứng nhận xứ hàng hóa (gọi tắt C/O) để được hưởng thuế suất thuế nhập khẩu “ưu đãi đặc biệt”*.

Khẳng định đến thời điểm này (22/12/2022) không có văn bản pháp lý nào cho phép tổ chức, cá nhân nợ c/o mà được hưởng thuế suất thuế ưu đãi đặc biệt.

Để được hưởng thuế suất thuế ưu đãi đặc biệt, Công ty P phải nộp c/o tại thời điểm đăng ký làm thủ tục hải quan theo đúng quy định tại các văn bản pháp luật: Điều 5, khoản 4 Điều 24, khoản 3 Điều 27 Luật Hải quan; Điều 13 Nghị định số 19/2006/NĐ-CP ngày 20/02/2006 của Chính phủ; Khoản 2 Điều 26 Thông tư số 38/2015/TT-BTC ngày 25/3/2015 của Bộ trưởng Bộ Tài chính; Điều 6 Luật Điều ước quốc tế quy định về việc tổ chức thực hiện theo điều ước quốc tế và thỏa thuận quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên hoặc thỏa thuận quốc tế đã ký kết; Quy tắc 13, Phụ lục 8, Hiệp định thương mại hàng hóa ASEAN (ATIGA) quy định “Để được hưởng ưu đãi thuế quan, tại thời điểm làm thủ tục nhập khẩu phải nộp cho cơ quan Hải quan nước

nhập khẩu tờ khai, C/O, kèm các chứng từ chứng minh (như hóa đơn thương mại, và vận tải đơn chở suốt được cấp trên lãnh thổ của Nước thành viên xuất khẩu khi được yêu cầu) và các tài liệu khác theo quy định của pháp luật Nước thành viên nhập khẩu; Thông tư số 21/2010/TT-BTC (được thay thế bởi Thông tư số 22/2016/TT-BTC) cụ thể: “*Để được hưởng ưu đãi thuế quan, tại thời điểm làm thủ tục nhập khẩu, người nhập khẩu phải nộp cho cơ quan Hải quan nước nhập khẩu tờ khai, C/O mẫu D, kèm các chứng từ chứng minh...*” (Điều 13, Phụ lục 7). Điểm a khoản 1 Điều 26 Nghị định số 31/2018/NĐ-CP ngày 08/3/2018 của Chính phủ; Khoản 1 Điều 4 Thông tư số 38/2018/TT-BTC ngày 20/4/2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

Phía Công ty P cho rằng: C/O có hiệu lực trong 12 tháng nên Công ty nộp vào thời điểm nào cũng được (để hưởng ưu đãi đặc biệt) là không đúng theo quy định của pháp luật quy định về thời điểm nộp C/O và hiệu lực C/O.

Các quy định nêu trên được hiểu là nộp C/O tại thời điểm làm thủ tục hải quan để được hưởng ưu đãi thuế quan và tại thời điểm nộp hồ sơ nhập khẩu, C/O đó phải còn hiệu lực.

Để được hưởng ưu đãi đặc biệt thuế quan, Công ty P phải nộp C/O tại thời điểm đăng ký làm thủ tục hải quan và C/O đó phải còn hiệu lực là 02 điều kiện bắt buộc phải thỏa mãn theo quy định pháp luật và điều ước quốc tế như đã nêu phần trên.

Việc được phép gia hạn thời hạn chậm nộp và được hưởng ưu đãi đặc biệt về thuế là hoàn toàn khác biệt. Chi cục Hải quan cửa khẩu Cảng Đ căn cứ Khoản 3 Điều 27 Nghị định số 08/2015/NĐ-CP của Chính phủ để phê duyệt cho Công ty P gia hạn thời gian nộp C/O trong thời hạn không quá 30 ngày kể từ ngày đăng ký tờ khai Hải quan (không riêng C/O, mà các chứng từ khác thuộc hồ sơ hải quan vẫn được xem xét trừ Tờ khai hải quan).

Phía Công ty P cho rằng Công ty P đã tin tưởng vào cán bộ chuyên môn và lãnh đạo Chi cục Hải quan cửa khẩu Cảng Đ trong việc áp dụng văn bản quy phạm pháp luật hướng dẫn cho Công ty P làm thủ tục nợ C/O và hướng dẫn đề nghị hoàn thuế chênh lệch. Công ty P đã thực hiện đúng theo hướng dẫn của Chi cục Hải quan cửa khẩu Cảng Đ.

Căn cứ Điều 18 Luật Hải quan năm 2014 quy định rõ “*Quyền và nghĩa vụ của người khai Hải quan*”, khoản 3 Điều 25 Nghị định số 08/2015/NĐ-CP của Chính phủ qui định: Người khai hải quan phải khai đầy đủ, chính xác, trung thực, rõ ràng các tiêu chí trên tờ khai hải quan; tự tính để xác định số thuế, các khoản thu khác phải nộp ngân sách nhà nước và chịu trách nhiệm trước pháp luật về các nội dung đã khai.

Căn cứ Điều 19 Luật Hải quan năm 2014 quy định “*Nhiệm vụ và quyền hạn của công chức Hải quan*”, trong đó quy định rõ “*Hướng dẫn người khai Hải quan, tổ chức, cá nhân có liên quan khi có yêu cầu*”.

Trong thực hiện quy trình thủ tục hải quan cho 03 Tờ khai nhập khẩu, Công ty P khai báo điện tử qua Hệ thống thông quan điện tử (VNACCS/VCIS) và nộp đơn xin phép nợ C/O và đã được phê duyệt; Công chức Hải quan không

nhận được bất cứ yêu cầu nào từ phía Công ty P (trừ đơn xin nợ C/O).

Từ quy định trên, có thể khẳng định rằng: Để đảm bảo hoạt động kinh doanh theo đúng quy định pháp luật, Công ty P phải biết, buộc phải biết và thực tế doanh nghiệp đã biết và nắm vững các quy định của pháp luật về hải quan, pháp luật về thuế, ngoại thương, pháp luật về kinh doanh xuất nhập khẩu xăng dầu... Đây là doanh nghiệp lớn nên không thể nói không biết quy định của pháp luật và càng không thể đổ lỗi cho Cơ quan Hải quan không hướng dẫn.

Về quan điểm của Cơ quan Hải quan về Bộ Tư pháp và Bộ Công thương cho rằng Công văn số 12802/BTC-TCHQ ngày 14/9/2016 và Công văn số 13959/BTC-TCHQ ngày 04/10/2016 của Bộ Tài chính gửi các Cục Hải quan các tỉnh, thành phố yêu cầu doanh nghiệp nhập khẩu nộp bản chính C/O tại thời điểm đăng ký tờ khai Hải quan chưa phù hợp với mục a khoản 2 Điều 26 Thông tư số 38/2015/TT-BTC của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

Công văn số 12802/BTC-TCHQ ngày 14/9/2016 và Công văn số 13959/BTC-TCHQ ngày 04/10/2016 của Bộ Tài chính gửi các Cục Hải quan các tỉnh, thành phố yêu cầu doanh nghiệp nhập khẩu nộp bản chính C/O tại thời điểm đăng ký tờ khai hải quan là phù hợp với quy định: Người khai hải quan nộp chứng từ chứng nhận xuất xứ hàng hóa nhập khẩu cho cơ quan Hải quan theo quy định tại điểm g khoản 2 Điều 16 Thông tư này tại thời điểm nộp bộ hồ sơ Hải quan hoặc trong thời hạn theo quy định tại các Điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên); nhưng chưa phù hợp với hướng dẫn: trường hợp chưa nộp được chứng từ chứng nhận xuất xứ tại thời điểm khai Hải quan, người khai Hải quan khai theo mức thuế suất thuế nhập khẩu ưu đãi tối huệ quốc (sau đây gọi tắt là thuế suất MFN) hoặc thông thường. Khi nộp bổ sung chứng từ chứng nhận xuất xứ trong thời hạn theo quy định, người khai Hải quan khai bổ sung theo mức thuế suất ưu đãi đặc biệt tương ứng, được hoàn trả số tiền thuế chênh lệch đã nộp.

Tuy nhiên, căn cứ Luật ban hành các văn bản quy phạm pháp luật thì Công văn số 12802/BTC-TCHQ ngày 14/9/2016 và Công văn số 13959/BTC-TCHQ ngày 04/10/2016 của Bộ Tài chính chỉ đạo quản lý điều hành của Bộ trưởng Bộ Tài chính hoàn toàn phù hợp với thực tế khách quan trong công tác chỉ đạo quản lý, điều hành chính sách xăng dầu; phù hợp với tất cả các văn bản pháp lý cao hơn và Điều ước quốc tế, cụ thể là phù hợp với Điều 5, khoản 4 Điều 24, khoản 3 Điều 27 Luật Hải quan; Điều 13, Nghị định số 19/2006/NĐ-CP ngày 20/02/2006 của Chính phủ; Điều 6 Luật Điều ước quốc tế quy định về việc tổ chức thực hiện theo điều ước quốc tế và thỏa thuận quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên hoặc thỏa thuận quốc tế đã ký kết; Quy tắc 13, Phụ lục 8, Hiệp định thương mại hàng hóa ASEAN (ATIGA); hoàn toàn phù hợp với Thông tư số 21/2010/TT-BTC (được thay thế bởi Thông tư số 22/2016/TT-BTC) của Bộ trưởng Bộ Công thương.

Do đó, Cục Hải quan Đ, Chi cục Hải quan cửa khẩu Cảng Đ có trách nhiệm chấp hành chỉ đạo quản lý điều hành của Bộ trưởng Bộ Tài chính tại Công văn số 12802/BTC-TCHQ ngày 14/9/2016, Công văn số 13959/BTC-TCHQ ngày 04/10/2016 của Bộ Tài chính và các văn bản chỉ đạo quản lý điều

hành của Tổng cục trưởng Tổng cục Hải quan trong thực hiện quyết định ấn định thuế (truy thu thuế do ban hành quyết định hoàn thuế không đúng quy định hiện hành nên buộc phải truy thu đúng quy định pháp luật về thuế (Luật quản lý thuế văn bản hợp nhất được Công báo số 337+338 ngày 17/5/2016; khoản 4 Điều 9 Luật quản lý thuế; khoản 2 Điều 39 Luật quản lý thuế; Nghị định số 83/2013/NĐ-CP ngày 22/7/2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật quản lý thuế và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật quản lý thuế; Điểm d khoản 3 Điều 33 Nghị định số 83/2013/NĐ-CP ngày 22/7/2013 của Chính phủ).

Bộ Tài chính, Tổng cục Hải quan chỉ đạo các Cục Hải quan tỉnh, thành phố (trong đó có Cục Hải quan tỉnh Đ) thực hiện quyết định ấn định thuế (hay còn gọi là truy thu số thuế đã hoàn) là đúng quy định pháp luật trong nước và Điều ước quốc tế.

Quyết định số 578, 734 của Chi cục trưởng Chi cục Hải quan cửa khẩu Cảng Đ và Quyết định số 410 của Cục trưởng Cục Hải quan Đ đảm bảo đúng quy định của pháp luật.

Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, giải quyết không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty P.

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện là Cục trưởng Cục Hải quan tỉnh Đ và Chi cục trưởng Chi cục Hải quan cửa khẩu cảng Đ ông Trần Quang D, ông Nguyễn Thanh L1, bà Lê Duy T5, bà Nguyễn Ngọc Tuyết M3:

Thông nhất theo trình bày và đề nghị của ông Đặng Văn T4 không có ý kiến gì thêm.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đ phát biểu ý kiến và đề nghị:

Về tố tụng: Việc chấp hành theo pháp luật của Thẩm phán, Thư ký là đúng theo quy định của Luật tố tụng hành chính từ khi thụ lý đến khi xét xử. Tại phiên tòa sơ thẩm cho đến trước khi nghị án, Hội đồng xét xử đã tiến hành phiên tòa đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Luật tố tụng hành chính. Các đương sự trong vụ án đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Luật tố tụng hành chính.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 173; khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 193 Luật tố tụng hành chính. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty Cổ phần Thương mại dầu khí Đ. Hủy các quyết định số 578, 734, 410 của Chi cục trưởng Chi cục Hải quan cửa khẩu Cảng Đ, Cục trưởng Cục Hải quan tỉnh Đ. Buộc Cơ quan Hải quan tỉnh Đ thực hiện nhiệm vụ công vụ theo quy định của pháp luật do quyết định hành chính bị hủy. Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu tính tiền lãi của Công ty P.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa; trên cơ sở ý kiến trình bày của các bên đương sự, ý kiến của người bảo vệ quyền và lợi ích

hợp pháp cho các đương sự, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đ tham gia phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về tố tụng:

Trước ngày 14/9/2016, Công ty P đã được hoàn thuế cho nhiều tờ khai hải quan có C/O mẫu D, thời gian Cơ quan Hải quan tiếp nhận là 12 tháng kể từ khi mở tờ khai hải quan (bao gồm C/O mẫu D đầu DO xuất xứ ASEAN). Ngày 14/9/2016, Bộ Tài chính ban hành Công văn số 12802/BTC-TCHQ trả lời Hải quan địa phương buộc doanh nghiệp nộp bản chính C/O mẫu D (ASEAN) ngay khi mở tờ khai hải quan. Ngày 04/10/2016, Bộ Tài chính ban hành Công văn số 13959/BTC-TCHQ hướng dẫn doanh nghiệp được chậm nộp bản chính C/O mẫu D 30 ngày, riêng hoạt động điều tiết giá (xăng dầu) sẽ được hướng dẫn riêng. Ngày 09/3/2017, Bộ Tài chính ban hành Công văn số 3109/BTC-TCHQ hướng dẫn: “*Thời điểm nộp C/O mẫu D thực hiện theo hướng dẫn tại mục 1, 2 Công văn số 13959/BTC-TCHQ ngày 04/10/2016*”. Ngày 02/11/2017, Tổng cục Hải quan ban hành Công văn số 7143/TCHQ-GSQL với nội dung không chấp nhận doanh nghiệp nộp C/O chậm 30 ngày giai đoạn từ 14/9/2016 đến 08/3/2017.

Trong khoảng thời gian từ ngày 14/9/2016 đến ngày 08/3/2017 Công ty P đã thực hiện mở 3 tờ khai hải quan:

Tờ khai số 101088601242/A1149C1 ngày 20/10/2016;

Tờ khai số 101106366322/A11/49C1 ngày 01/11/2016;

Tờ khai số 101238540213/A11/49C1 ngày 20/01/2017;

Và tuân thủ quy trình thủ tục hải quan đúng theo quy định tại Thông tư số 38/2015/TT-BTC ngày 25/3/2015 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư số 22/2016/TT-BCT ngày 03/10/2016 của Bộ trưởng Bộ Công Thương. Công ty P đã được Chi cục Hải quan cửa khẩu Cảng Đ chấp nhận C/O và đã hoàn thuế cho tất cả tờ khai phát sinh trong thời gian từ ngày 14/9/2016 đến ngày 08/3/2017, bằng Quyết định số 64/QĐ-HQCKC ngày 15/02/2017, Quyết định số 527/QĐ-HQCKC ngày 11/11/2016 và Quyết định số 528/QĐ-HQCKC ngày 11/11/2016 của Chi cục trưởng Chi cục Hải quan cửa khẩu Cảng Đ về việc hoàn tiền thuế đối với hàng hóa nhập khẩu.

Ngày 30/7/2019, Tổng cục Hải quan ban hành Công văn số 4894/TCHQ-GSQL về việc truy thu số tiền thuế đã được hoàn thuế trước đó cho các tờ khai nhập khẩu trong thời gian từ ngày 14/9/2016 đến 08/3/2017, theo hướng dẫn tại Công văn số 12802/BTC-TCHQ ngày 14/9/2016 của Bộ Tài chính (quy định nộp C/O ngay khi mở tờ khai).

Ngày 30/8/2019, Chi cục trưởng Chi cục Hải quan cửa khẩu Cảng Đ ban hành Quyết định 578/QĐ-HQC về việc ấn định thuế đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu. Công ty P không thống nhất theo Quyết định 578 và đã có Đơn khiếu nại gửi đến Chi cục Hải quan cửa khẩu Cảng Đ.

Đến ngày 08/11/2019, Chi cục trưởng Chi cục Hải quan cửa khẩu cảng Đ ban hành Quyết định số 734/QĐ-HQC về việc giải quyết khiếu nại của Công ty

Cổ phần Thương mại dầu khí Đ (lần đầu), quyết định giải quyết giữ nguyên Quyết định số 578/QĐ-HQC ngày 30/8/2019 của Chi cục trưởng Chi cục Hải quan cửa khẩu Cảng Đ. Công ty tiếp tục có Đơn khiếu nại gửi Cục trưởng Cục Hải quan tỉnh Đ.

Ngày 13/12/2019, Cục trưởng Cục Hải quan tỉnh Đ ban hành Quyết định số 410/QĐ-HQĐT về việc giải quyết khiếu nại đối với Công ty Cổ phần Thương mại dầu khí Đ (lần hai), quyết định giải quyết công nhận và giữ nguyên Quyết định số 578/QĐ-HQC ngày 30/8/2019 về việc ấn định thuế đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu và Quyết định số 734/QĐ-HQC về việc giải quyết khiếu nại của Công ty Cổ phần Thương mại dầu khí Đ (lần đầu) ngày 08/11/2019 của Chi cục trưởng Chi cục Hải quan cửa khẩu Cảng Đ.

Công ty P không thống nhất và gửi đơn khởi kiện đến Tòa án yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Đ xem xét giải quyết hủy các Quyết định: Quyết định số 578/QĐ-HQC ngày 30/8/2019 về việc ấn định thuế đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu của Chi cục trưởng Chi cục Hải quan cửa khẩu cảng Đ; Quyết định số 734/QĐ-HQC ngày 08/11/2019 về việc giải quyết khiếu nại của Công ty Cổ phần Thương mại dầu khí Đ của Chi cục trưởng Chi cục Hải quan cửa khẩu Cảng Đ (lần đầu); Quyết định số 410/QĐ-HQĐT ngày 13/12/2019 về việc giải quyết khiếu nại của Công ty Cổ phần Thương mại dầu khí Đ của Cục trưởng Cục Hải quan tỉnh Đ (lần hai).

Xét khiếu kiện của Công ty P thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp theo quy định tại Điều 30 và 32 - Luật tố tụng hành chính.

Về thời hiệu khởi kiện, do Cục trưởng Cục Hải quan tỉnh Đ ban hành Quyết định số 410 ngày 13/12/2019 giải quyết khiếu nại lần 2, đến ngày 11/8/2020, Công ty P đã gửi đơn khởi kiện đến Tòa án nên còn trong thời hiệu khởi kiện theo quy định tại Điều 116 - Luật tố tụng hành chính.

[2] Về nội dung:

Xét Quyết định số 578/QĐ-HQC ngày 30/8/2019 của Chi cục trưởng Chi cục Hải quan cửa khẩu Cảng Đ, Quyết định số 734/QĐ-HQC ngày 08/11/2019 của Chi cục trưởng Chi cục Hải quan cửa khẩu Cảng Đ, Quyết định số 410/QĐ-HQĐT ngày 13/12/2019 của Cục trưởng Cục Hải quan tỉnh Đ (gọi tắt là Quyết định số 578, 734, 410).

[2.1] Về thẩm quyền ban hành:

- Đối với Quyết định số 578, 734:

Ngày 30/8/2019, Chi cục trưởng Chi cục Hải quan cửa khẩu Cảng Đ ban hành Quyết định số 578 về việc ấn định thuế đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu là đúng thẩm quyền theo quy định tại Điều 39 - Luật quản lý thuế năm 2006; Điều 33 - Nghị định số 83/2013/NĐ-CP ngày 22/7/2013 của Chính phủ.

Ngày 08/11/2019, Chi cục trưởng Chi cục Hải quan cửa khẩu Cảng Đ ban hành Quyết định số 734 về việc giải quyết khiếu nại lần đầu là đúng thẩm

quyền theo quy định tại Điều 19 - Luật khiếu nại năm 2011.

- Đối với Quyết định số 410:

Ngày 13/12/2019, Cục trưởng Cục Hải quan tỉnh Đ ban hành Quyết định số 410 về việc giải quyết khiếu nại lần hai là đúng thẩm quyền theo quy định tại Điều 20 – Luật khiếu nại năm 2011.

[2.2] Về trình tự thủ tục ban hành Quyết định số 578, 734, 410:

- Đối với Quyết định số 578:

Ngày 06/11/2017, Cục Hải quan tỉnh Đ nhận được Công văn 7143/TCHQ-GSQL ngày 02/11/2017 của Tổng cục Hải quan về việc vướng mắc thời điểm nộp C/O. Nội dung công văn này có ý kiến với Tổng công ty Dầu Việt Nam và gửi các Cục Hải quan tỉnh thành phố thực hiện. Trong nội dung công văn có đoạn “Do vậy, đối với các tờ khai đăng ký từ ngày 09/3/2017 nhập khẩu hàng hóa thuộc hoạt động điều tiết giá bao gồm mặt hàng xăng dầu được nộp bổ sung trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày đăng ký tờ khai Hải quan nếu có khai báo việc nộp bổ sung C/O trên tờ khai hải quan; không áp dụng việc nộp bổ sung đối với các tờ khai từ ngày 14/9/2016 đến trước ngày 09/3/2017”.

Căn cứ nội dung này, 03 tờ khai liên quan nêu trên có thời gian đăng ký vào các ngày 20/10/2016, 01/11/2016 và 20/01/2017 (trong khoảng thời gian từ ngày 14/9/2016 đến trước ngày 09/3/2017) thuộc trường hợp phải nộp C/O tại thời điểm làm thủ tục hải quan; không thuộc trường hợp được bổ sung C/O trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày đăng ký tờ khai hải quan.

Ngày 05/8/2019, Cục Hải quan Tỉnh nhận được Công văn 4893/TCHQ-GSQL ngày 30/7/2019 của Tổng cục Hải quan về việc vướng mắc C/O xăng dầu. Theo nội dung của Công văn, Tổng cục Hải quan xác định các tờ khai nhập khẩu xăng dầu đăng ký từ thời điểm ngày 14/9/2016 đến ngày 08/3/2017 không nộp C/O tại thời điểm làm thủ tục hải quan thì không đủ điều kiện áp dụng thuế suất ưu đãi đặc biệt và “Yêu cầu các đơn vị thông báo các doanh nghiệp liên quan biết và tiến hành truy thu số thuế đã hoàn trước đó cho các tờ khai nhập khẩu xăng dầu do không đủ điều kiện để áp dụng thuế suất ưu đãi đặc biệt”.

Ngày 07/8/2019, Cục Hải quan Tỉnh nhận được Công văn số 327/TMDK ngày 06/8/2019 về việc vướng mắc C/O mẫu D xăng dầu. Nội dung công văn này, Công ty P phản ánh về vấn đề C/O và đề nghị Tổng cục Hải quan không truy thu số tiền thuế đã hoàn trong thời gian 14/9/2016 đến 09/3/2017.

Ngày 21/8/2019, Cục Hải quan Tỉnh nhận được Công văn 2521/GSQL-GQ4 ngày 16/8/2019 về việc vướng mắc C/O gửi Công ty P và Cục Hải quan tỉnh Đ. Trong nội dung công văn này, Tổng cục Hải quan đề nghị Công ty P thực hiện theo đúng hướng dẫn của Tổng cục Hải quan.

Ngày 29/8/2019, Chi cục Hải quan cửa khẩu Cảng Đ ban hành Thông báo số 573/TB-HQC về việc nộp lại số tiền thuế 12.188.674.084 đồng đã hoàn của 03 tờ khai nêu trên.

Ngày 30/8/2019, Chi cục trưởng Chi cục Hải quan cửa khẩu Cảng Đ ban hành Quyết định ấn định thuế số 578/QĐ-HQC gửi đến Công ty P để yêu cầu

chấp hành nộp lại số tiền thuế 12.188.674.084 đồng đã hoàn của 03 tờ khai nêu trên.

Ngày 03/9/2019, Công ty P chấp hành Quyết định ấn định thuế số 578/QĐ-HQC của Chi cục trưởng Chi cục Hải quan cửa khẩu Cảng Đ, nộp lại xong số tiền 12.188.674.084 đồng.

- Đối với việc giải quyết khiếu nại lần đầu theo quyết định 734:

Ngày 30/9/2019, Chi cục Hải quan cửa khẩu Cảng Đ nhận được Đơn khiếu nại ngày 30/9/2019 của Công ty P khiếu nại Quyết định ấn định thuế số 578/QĐ-HQC ngày 30/8/2019 của Chi cục trưởng Chi cục Hải quan cửa khẩu Cảng Đ và hoàn trả lại số tiền thuế đã truy thu là 12.188.674.084 đồng. Ngày 11/10/2019, Chi cục Hải quan cửa khẩu Cảng Đ có Thông báo số 677/TB-HQC về việc thụ lý giải quyết khiếu nại lần đầu gửi Công ty P. Ngày 05/11/2019, Chi cục Hải quan cửa khẩu Cảng Đ có báo cáo kết quả xác minh nội dung khiếu nại. Ngày 05/11/2019, Chi cục Hải quan cửa khẩu Cảng Đ có Giấy mời số 721/GM-HQC gửi Công ty P để mời đối thoại giải quyết khiếu nại. Ngày 07/11/2019, Chi cục Hải quan cửa khẩu Cảng Đ lập biên bản đối thoại. Ngày 08/11/2019, Chi cục trưởng Chi cục Hải quan cửa khẩu Cảng Đ ban hành Quyết định số 734/QĐ-HQC về việc giải quyết khiếu nại, giữ nguyên Quyết định số 578/QĐ-HQC ngày 30/8/2019 của Chi cục trưởng Chi cục Hải quan cửa khẩu Cảng Đ về việc ấn định thuế đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu.

- Đối với việc giải quyết khiếu nại lần hai theo quyết định 410:

Ngày 20/11/2019, Cục Hải quan tỉnh Đ nhận được Đơn khiếu nại ngày 19/11/2019 của Công ty P khiếu nại đề nghị Cục Hải quan tỉnh Đ ra quyết định hủy bỏ Quyết định ấn định thuế số 578/QĐ-HQC ngày 30/8/2019 của Chi cục trưởng Chi cục Hải quan cửa khẩu Cảng Đ và hoàn trả lại số tiền thuế đã truy thu là 12.188.674.084 đồng. Ngày 26/11/2019, Cục Hải quan tỉnh Đ có Thông báo số 1990/TB-HQĐT về việc thụ lý giải quyết khiếu nại lần hai gửi Công ty P. Ngày 26/11/2019, Cục Hải quan tỉnh Đ ban hành Quyết định số 356/QĐ-HQĐT về việc giao nhiệm vụ xác minh nội dung khiếu nại. Ngày 26/11/2019, Cục Hải quan tỉnh Đ ban hành Quyết định số 357/QĐ-HQĐT về việc xác minh nội dung khiếu nại. Ngày 26/11/2019, Tổ xác minh lập kế hoạch xác minh, gửi Giấy mời cho Công ty P làm việc, đối thoại. Ngày 27, 29/11/2019, lập biên bản làm việc với đại diện của Chi cục Hải quan cửa khẩu Cảng Đ. Ngày 03/12/2019, tổ xác minh có báo cáo xác minh nội dung khiếu nại. Ngày 05/12/2019, lập biên bản đối thoại. Ngày 13/12/2019, Cục trưởng Cục Hải quan tỉnh Đ ban hành Quyết định số 410/QĐ-HQĐT về việc giải quyết khiếu nại, công nhận và giữ nguyên Quyết định số 578 và Quyết định số 734 của Chi cục trưởng Chi cục Hải quan cửa khẩu Cảng Đ.

Về trình tự thủ tục ban hành các Quyết định ấn định thuế, truy thu thuế, giải quyết khiếu nại số 578, 734, 410 của Chi cục trưởng Chi cục Hải quan cửa khẩu Cảng Đ, Cục trưởng Cục Hải quan tỉnh Đ đã thực hiện đúng theo quy định tại các Điều 27, 28, 29, 30, 31, 32 và các Điều 36, 37, 38, 39, 40, 41 của Luật khiếu nại năm 2011;

Điều 5, 6, 7, 8, 12, 18, 21, 22 của Thông tư số 07/2013/TT-TTCTP ngày 31/10/2013 của Thanh tra Chính phủ về quy định quy trình giải quyết khiếu nại hành chính.

[2.3] Về nội dung ban hành Quyết định số 578, 734, 410:

[2.3.1] Theo quyết định ấn định thuế, truy thu thuế, giải quyết khiếu nại lần đầu, lần 2. Cơ quan Hải quan căn cứ khoản 2 Điều 39 Luật quản lý thuế năm 2006; khoản 3 Điều 33 Nghị định số 83/2013/NĐ-CP ngày 22/7/2013 của Chính phủ; khoản 1 Điều 3 của Nghị định số 100/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ; khoản 27 Điều 1 của Thông tư số 39/2018/TT-BTC ngày 20/4/2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính; Công văn 4893/TCHQ-GSQL ngày 30/7/2019 của Tổng cục Hải quan về việc vướng mắc C/O xăng dầu; Công văn 6031/VPCP-KTHH ngày 09/7/2019 của Văn phòng Chính phủ; Luật khiếu nại năm 2011; Nghị định số 75/2012/NĐ-CP ngày 03/10/2012 của Chính phủ; Thông tư số 07/2013/TT-TTCTP ngày 31/10/2013 của Thanh tra Chính phủ; Thông tư số 02/2016/TT-TTCTP ngày 20/10/2016 của Thanh tra Chính phủ; Quyết định số 1919/QĐ-BTC ngày 06/9/2016 của Bộ Tài chính; Quyết định số 359/QĐ-HQĐT ngày 26/11/2019 của Cục trưởng Cục Hải quan tỉnh Đ, Công văn số 12802/BTC-TCHQ ngày 14/9/2016, Công văn số 13959/BTC-TCHQ ngày 04/10/2016 của Bộ Tài chính để ấn định thuế truy thu thuế, giải quyết khiếu nại và không chấp nhận yêu cầu khiếu nại của Công ty P.

[2.3.2] Theo Công ty P: Việc ấn định thuế, truy thu thuế đối với số tiền thuế đã được hoàn thuế đúng theo quy định của pháp luật là không phù hợp, việc truy thu thuế đã làm ảnh hưởng, làm thiệt hại đến quyền và lợi ích hợp pháp của Công ty P. Chi cục Hải quan cửa khẩu Cảng Đ căn cứ văn bản số 12802, 13959 của Bộ Tài chính để truy thu thuế của Công ty P là chưa phù hợp và không đúng theo quy định của pháp luật vì đây là văn bản hướng dẫn nội bộ, không có gửi cho Công ty để thực hiện. Quyết định giải quyết khiếu nại của Cơ quan Hải quan Đ nhưng trong quyết định ghi là Cục Hải quan tỉnh Đồng Nai là không đúng quy định pháp luật. Căn cứ theo quy định tại Điều 4, Nghị định số 19/2006/NĐ-CP ngày 20/02/2006 của Chính phủ; điểm a, khoản 2, Điều 26 của Thông tư 38/2015/TT-BTC ngày 25/3/2015 của Bộ Tài chính; Điều 14, Phụ lục VII ban hành kèm theo Thông tư số 22/2016/TT-BCT ngày 03/10/2016 của Bộ trưởng Bộ Công thương; Điều 14, Phụ lục VIII, Hiệp định Thương mại hàng hóa ASEAN (ATIGA) ngày 26/02/2009. Công ty P yêu cầu Tòa án hủy các Quyết định số 578, 734, 410. Công ty P rút lại yêu cầu tính tiền lãi suất đối với số tiền 12.188.674.084 đồng, theo mức lãi suất 10%/năm, tính từ ngày 03/9/2019 đến khi giải quyết xong vụ án.

[2.3.3] Theo người bị kiện là Chi cục trưởng Chi cục Hải quan cửa khẩu Cảng Đ, Cục trưởng Cục Hải quan tỉnh Đ cho rằng Quyết định ấn định thuế, truy thu thuế, giải quyết khiếu nại lần đầu, lần 2 là đúng theo quy định của pháp luật. Căn cứ Công văn 7143/TCHQ-GSQL ngày 02/11/2017 của Tổng cục Hải quan về việc vướng mắc thời điểm nộp C/O, Công văn 4893/TCHQ-GSQL

ngày 30/7/2019 của Tổng cục Hải quan về việc vướng mắc C/O xăng dầu, Công văn 2521/GSQL-GQ4 ngày 16/8/2019 về việc vướng mắc C/O của Tổng cục Hải quan. Công văn số 12802/BTC-TCHQ ngày 14/9/2016 và Công văn số 13959/BTC-TCHQ ngày 04/10/2016 của Bộ Tài chính. Theo quy định tại điểm a, b, khoản 2.1, mục 2 của Công văn số 12802/BTC-TCHQ ngày 14/9/2016 của Bộ Tài chính thì người khai Hải quan phải nộp bản chính C/O tại thời điểm đăng ký, nộp hồ sơ hải quan. Theo quy định tại mục 3 của Công văn số 13959/BTC-TCHQ ngày 04/10/2016 của Bộ Tài chính thì thời điểm nộp C/O đối với những hàng hóa nhập khẩu thuộc các hoạt động điều tiết giá của Nhà nước theo Luật Quản lý giá và các văn bản hướng dẫn thi hành sẽ được hướng dẫn riêng. Do hiểu không đầy đủ quy định về hàng hóa nhập khẩu thuộc các hoạt động điều tiết giá của Nhà nước nên công chức Chi cục Hải quan cửa khẩu Cảng Đ đã chấp thuận cho nợ C/O tại thời điểm làm thủ tục hải quan theo đề nghị của Công ty P, cho Công ty được hưởng thuế suất ưu đãi đặc biệt, thực hiện hoàn thuế theo đề nghị của Công ty.

Chi cục trưởng Chi cục Hải quan cửa khẩu Cảng Đ, Cục trưởng Cục Hải quan tỉnh Đ cho rằng việc cho nợ C/O, việc hoàn thuế là thực hiện đúng trình tự thủ tục, Quyết định ấn định thuế, truy thu thuế, giải quyết khiếu nại lần đầu, lần 2 là đúng theo quy định của pháp luật. Cho nên người bị kiện không đồng ý theo yêu cầu của người khởi kiện.

[2.3.4] Hội đồng xét xử xét thấy:

Tại Điều 4 của Nghị định số 19/2006/NĐ-CP ngày 20/02/2006 của Chính phủ về quy tắc xuất xứ ưu đãi theo các Điều ước quốc tế, tại Điều 4 quy định: *“Việc xác định xuất xứ hàng hóa xuất khẩu, hàng hóa nhập khẩu để được hưởng chế độ ưu đãi về thuế quan và phi thuế quan được áp dụng theo các Điều ước quốc tế mà Việt Nam ký kết hoặc gia nhập và các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan quy định chi tiết việc thi hành các Điều ước này”*.

Tại điểm a, khoản 2, Điều 26, Thông tư 38/2015/TT-BTC ngày 25 tháng 3 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về kiểm tra, xác định xuất xứ hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu. Điểm a, khoản 2, Điều 26 quy định: *“Người khai hải quan nộp chứng từ chứng nhận xuất xứ hàng hóa nhập khẩu cho cơ quan hải quan theo quy định tại điểm g khoản 2 Điều 16 của thông tư này tại thời điểm nộp bộ hồ sơ hải quan hoặc trong thời hạn theo quy định tại các điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên.*

Trường hợp chưa nộp được chứng từ chứng nhận xuất xứ tại thời điểm khai hải quan, người khai hải quan khai theo mức thuế xuất nhập khẩu ưu đãi tối huệ quốc (sau đây gọi tắt là thuế suất MFE) hoặc thông thường. Khi nộp bổ sung chứng từ chứng nhận xuất xứ trong thời hạn theo quy định, người khai hải quan khai bổ sung theo mức thuế suất ưu đãi đặc biệt tương ứng, được hoàn trả tiền thuế chênh lệch đã nộp, trường hợp lô hàng thuộc diện miễn kiểm tra hồ sơ khi khai hải quan, người khai hải quan phải nộp bổ sung hồ sơ hải quan theo quy định tại khoản 2 Điều 16 của Thông tư này khi nộp bổ sung chứng từ chứng nhận xuất xứ”. Theo quy định này thì việc Công ty nợ C/O, Cơ quan Hải quan

cho nợ C/O và hoàn thuế cho Công ty là đúng quy định.

Theo Quy tắc 14, Phụ lục VIII, Hiệp định Thương mại hàng hóa ASEAN (gọi tắt là ATIGA) ngày 26/02/2009, quy định về thời điểm nộp C/O. Tại Điều 14 của Phụ lục VII, ban hành kèm theo Thông tư số 22/ 2016/TT-BTC ngày 03/10/2016 của Bộ trưởng Bộ Công thương, Điều 14 quy định: “1. C/O có hiệu lực trong vòng 12 tháng kể từ ngày cấp và phải được nộp cho cơ quan hải quan nước thành viên nhập khẩu trong thời hạn đó; 2. Trường hợp C/O được nộp cho cơ quan hải quan của nước nhập khẩu sau thời hạn quy định tại khoản 1, C/O vẫn được chấp nhận nếu việc không tuân thủ thời hạn nêu trên là do bất khả kháng hoặc do những nguyên nhân chính đáng khác nằm ngoài kiểm soát của người xuất khẩu; 3. Trong mọi trường hợp, cơ quan hải quan của nước thành viên nhập khẩu có thể chấp nhận C/O nói trên với điều kiện hàng hóa được nhập khẩu trước khi hết thời hạn hiệu lực của C/O đó.”

Tại điểm b, khoản 1 Điều 7 của Thông tư 38/2018/TT-BTC ngày 20/4/2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính, quy định: “Trường hợp chưa có chứng từ chứng nhận xuất xứ hàng hóa tại thời điểm làm thủ tục hải quan, người khai hải quan khai bổ sung và nộp chứng từ chứng nhận xuất xứ hàng hóa trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày đăng ký tờ khai hải quan, trừ hàng hóa nhập khẩu có C/O mẫu EAV, người khai hải quan nộp chứng từ chứng nhận xuất xứ hàng hóa tại thời điểm làm thủ tục hải quan”.

Để được hưởng thuế suất ưu đãi đặc biệt thì người khai hải quan phải nộp chứng từ chứng nhận xuất xứ hàng hóa tại thời điểm làm thủ tục hải quan, Trường hợp chưa có thì khai bổ sung và nộp chứng từ chứng nhận xuất xứ hàng hóa trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày đăng ký tờ khai hải quan trừ hàng hóa nhập khẩu có C/O mẫu EAV. Tại thời điểm đăng ký tờ khai Công ty P chưa có C/O, Công ty P đã có Công văn xin nợ C/O mẫu D đối với 03 tờ khai. Chi cục Hải quan cửa khẩu Cảng Đ đã chấp thuận cho nợ 30 ngày, hướng dẫn cho Công ty P làm thủ tục, Công ty P đã nộp bổ sung C/O trong thời hạn 30 ngày, cụ thể là lần 1 là 6 ngày, lần 2 là 7 ngày, lần 3 là 13 ngày. Sau đó, Công ty P đã được hoàn thuế đầy đủ theo quy định. Tại phiên tòa người đại diện của Chi cục trưởng Chi cục Hải quan cửa khẩu cảng Đ cũng xác định việc cho nợ C/O, hoàn thuế là thực hiện đúng theo quy định.

Tại thời điểm xin cho nợ C/O nếu Cơ quan Hải quan không cho nợ và không hướng dẫn thủ tục cho Công ty thì Công ty không thể được hưởng thuế suất ưu đãi đặc biệt và không được hoàn thuế, đồng thời tại thời điểm này cũng không có văn bản hướng dẫn không cho nợ C/O và tại mục 2 của Công văn số 13959 của Bộ Tài chính hướng dẫn cho nợ C/O trong vòng 30 ngày kể từ ngày đăng ký tờ khai hải quan.

Chi cục trưởng Chi cục Hải quan cửa khẩu Cảng Đ ban hành quyết định ấn định thuế, truy thu thuế căn cứ Công văn số 12802/BTC-TCHQ ngày 14/9/2016 và Công văn số 13959/BTC-TCHQ ngày 04/10/2016 của Bộ Tài chính là không phù hợp. Vì đây là văn bản hướng dẫn nghiệp vụ trong nội bộ ngành không phải là văn bản quy phạm pháp luật. Việc Chi cục trưởng Chi cục Hải quan cửa khẩu Cảng Đ cho rằng công chức của Chi cục Hải quan không nghiên cứu quy định

tại mục 3 của Công văn số 13959 của Bộ Tài chính và chưa hiểu đầy đủ về hàng hóa nhập khẩu thuộc hoạt động điều tiết của Nhà nước là không phù hợp và không có cơ sở để chấp nhận.

Tại mục 3 của Công văn số 13959 ngày 04/10/2016 của Bộ Tài chính, hướng dẫn: *“Thời điểm nộp C/O đối với những hàng hóa nhập khẩu thuộc các hoạt động điều tiết giá của Nhà nước theo luật quản lý giá và các văn bản hướng dẫn thi hành sẽ được hướng dẫn riêng”*. Theo hướng dẫn của Công văn 13959 cũng không xác định đối với những hàng hóa nhập khẩu thuộc các hoạt động điều tiết giá của Nhà nước bắt buộc trong mọi trường hợp phải nộp C/O tại thời điểm đăng ký tờ khai Hải quan và không có trường hợp ngoại lệ. Ngoài ra, tại phiên tòa người đại diện của Chi cục trưởng Chi cục Hải quan cửa khẩu cảng Đ cũng không chứng minh được có văn bản hướng dẫn riêng đối với mặt hàng điều tiết giá của Nhà nước.

Theo trình bày của Cơ quan Hải quan ngoài các quy định của pháp luật hiện hành, còn phải áp dụng thực hiện Công văn số 12802/BTC-TCHQ ngày 14/9/2016 và Công văn số 13959/BTC-TCHQ ngày 04/10/2016 của Bộ Tài chính. Công văn số 13959, tại mục 3 hướng dẫn: *“Thời điểm nộp C/O đối với những hàng hóa nhập khẩu thuộc các hoạt động điều tiết giá của Nhà nước theo luật quản lý giá và các văn bản hướng dẫn thi hành sẽ được hướng dẫn riêng”*. Vậy hàng hóa nhập khẩu mà công ty P nợ C/O là mặt hàng thuộc hoạt động điều tiết giá của Nhà nước theo quy định tại Điều 15 Mục I Chương 3 của Luật giá năm 2012. Nhưng khi Cơ quan Hải quan ấn định thuế, truy thu thuế, giải quyết khiếu nại đều không áp dụng quy định của Luật giá. Tại phiên Tòa người bảo vệ quyền lợi hợp pháp cho người bị kiện cho rằng Cơ quan Hải quan không căn cứ Luật giá là do Cơ quan Hải quan quản lý hàng hóa nước ngoài nhập vào không quản lý hàng hóa nội địa. Điều này cho thấy rằng Cơ quan Hải quan ấn định thuế, truy thu thuế và giải quyết khiếu nại là chưa phù hợp và không đúng theo quy định của pháp luật.

Công văn số 12802/BTC-TCHQ ngày 14/9/2016 và Công văn số 13959/BTC-TCHQ ngày 04/10/2016 của Bộ Tài chính cũng không được gửi cho Công ty và Cơ quan Hải quan không có hướng dẫn cho Công ty thực hiện.

Cơ quan Hải quan căn cứ theo công văn hướng dẫn của Bộ Tài chính để truy thu thuế trong thời điểm từ ngày 14/9/2016 đến ngày 08/3/2017 nhưng trước ngày 14/9/2016 và sau ngày 08/3/2017 thì Cơ quan Hải quan cho nợ C/O và cho hưởng thuế suất ưu đãi đặc biệt (theo các tài liệu chứng cứ do người khởi kiện cung cấp). Theo các tài liệu này có ghi nhận việc cho nợ C/O và được hưởng thuế suất ưu đãi đặc biệt, tại phiên tòa người đại diện của Chi cục Hải quan xác định việc cho nợ C/O và được hưởng thuế suất ưu đãi đặc biệt trước ngày 14/9/2016 và sau ngày 08/3/2017 là đúng. Cho nên việc Cơ quan Hải quan ấn định thuế, truy thu thuế đối với Công ty P là không phù hợp.

[2.3.5] Ngoài ra, tại Công văn số 5046/BTC-TCHQ ngày 03/5/2019 của Bộ Tài chính: Ý kiến của Bộ Tư pháp cho rằng Bộ Tài chính cần xem xét lại căn cứ để truy thu thuế, đảm bảo đúng quy định của pháp luật và cam kết quốc tế liên quan với từng trường hợp mặt hàng xăng dầu là đối tượng được điều chỉnh bởi

các Điều ước quốc tế cụ thể mà Việt Nam là thành viên; Ý kiến của Bộ Công thương xác định Công văn số 12802/BTC-TCHQ ngày 14/9/2016 của Bộ Tài chính là chưa phù hợp với quy định tại điểm a, khoản 2, Điều 26, Thông tư 38/2015/TT-BTC ngày 25/3/2015 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

[2.3.6] Theo quyết định giải quyết khiếu nại lần đầu của Chi cục trưởng Chi cục Hải quan cửa khẩu cảng Đ có ghi là Cục Hải quan tỉnh Đồng Nai là có sai sót. Tuy nhiên, việc sai sót này không ảnh hưởng đến nội dung của quyết định.

[3] Tại phiên tòa, đại diện của Công ty P rút lại một phần yêu cầu khởi kiện về yêu cầu tính tiền lãi suất đối với số tiền 12.188.674.084 đồng, theo mức lãi suất 10%/năm, tính từ ngày 03/9/2019 đến khi giải quyết xong vụ án nên Hội đồng xét xử xét đình chỉ xét xử đối với phần yêu cầu này theo quy định tại khoản 2 Điều 173 - Luật tố tụng hành chính.

[4] Như vậy, từ những phân tích trên cho thấy các Quyết định số 578/QĐ-HQC ngày 30/8/2019 về việc ấn định thuế đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu của Chi cục trưởng Chi cục Hải quan cửa khẩu Cảng Đ, Quyết định số 734/QĐ-HQC ngày 08/11/2019 về việc giải quyết khiếu nại của Công ty P của Chi cục trưởng Chi cục Hải quan cửa khẩu Cảng Đ (lần đầu), Quyết định số 410/QĐ-HQĐT ngày 13/12/2019 về việc giải quyết khiếu nại của Công ty P của Cục trưởng Cục Hải quan tỉnh Đ (lần hai) là chưa phù hợp và không đúng quy định của pháp luật.

[5] Xét việc Công ty P yêu cầu hủy các quyết định số 578, 734, 410 và yêu cầu Chi cục Hải quan cửa khẩu Cảng Đ hoàn trả lại cho Công ty P số tiền thuế đã nộp tổng cộng là 12.188.674.084 đồng là có cơ sở để chấp nhận.

[6] Xét việc trình bày và đề nghị của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người khởi kiện là có căn cứ chấp nhận.

[7] Xét việc trình bày và đề nghị của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện là không có căn cứ chấp nhận.

[8] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đ là có căn cứ chấp nhận.

[9] Về án phí hành chính sơ thẩm: Do yêu cầu khởi kiện của Công ty P được chấp nhận nên không phải chịu tiền án phí hành chính sơ thẩm. Người bị kiện phải chịu án phí hành chính sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Điều 30, Điều 32, Điều 116, khoản 2 Điều 173, Điều 193, khoản 1 Điều 348 của Luật tố tụng hành chính 2015;

Luật quản lý thuế năm 2006;

Luật giá năm 2012;

Điều 19, 20, 27, 28, 29, 30, 31, 32 và các Điều 36, 37, 38, 39, 40, 41 của Luật khiếu nại năm 2011;

Nghị định số 19/2006/NĐ-CP ngày 20/02/2006 của Chính phủ;

Nghị định số 83/2013/NĐ-CP ngày 22/7/2013 của Chính phủ;

Điều 5, 6, 7, 8, 12, 18, 21, 22 của Thông tư số 07/2013/TT-TTCT ngày 31/10/2013 của Thanh tra Chính phủ về quy định quy trình giải quyết khiếu nại hành chính; Thông tư số 02/2016/TT-TTCT ngày 20/10/2016 của Thanh tra Chính phủ;

Thông tư 38/2015/TT-BTC ngày 25/3/2015 của Bộ trưởng Bộ Tài chính;

Thông tư số 22/2016/TT-BCT ngày 03/10/2016 của Bộ trưởng Bộ Công Thương;

Thông tư 38/2018/TT-BTC ngày 20/4/2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

Khoản 2 Điều 32 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty P về việc yêu cầu hủy các Quyết định số 578/QĐ-HQC ngày 30/8/2019 về việc ấn định thuế đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu của Chi cục trưởng Chi cục Hải quan cửa khẩu Cảng Đ, Quyết định số 734/QĐ-HQC ngày 08/11/2019 về việc giải quyết khiếu nại của Công ty Cổ phần Thương mại dầu khí Đ của Chi cục trưởng Chi cục Hải quan cửa khẩu Cảng Đ (lần đầu), Quyết định số 410/QĐ-HQĐT ngày 13/12/2019 về việc giải quyết khiếu nại của Công ty Cổ phần Thương mại dầu khí Đ của Cục trưởng Cục Hải quan tỉnh Đ (lần hai) và yêu cầu Chi cục Hải quan cửa khẩu Cảng Đ hoàn trả lại cho Công ty P số tiền thuế đã nộp tổng cộng là 12.188.674.084 đồng.

Buộc Chi cục trưởng Chi cục Hải quan cửa khẩu cảng Đ, Cục trưởng Cục Hải quan tỉnh Đ thực hiện nhiệm vụ, công vụ theo quy định của pháp luật.

Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu tính tiền lãi suất đối với số tiền 12.188.674.084 đồng, theo mức lãi suất 10%/năm, tính từ ngày 03/9/2019 đến khi giải quyết xong vụ án.

Về án phí hành chính sơ thẩm: Công ty P không phải chịu án phí hành chính sơ thẩm. Hoàn trả lại cho Công ty P số tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án đã nộp là 300.000 đồng, theo Biên lai thu số 0006025 ngày 24/8/2020 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Đ.

Người bị kiện là Chi cục trưởng Chi cục Hải quan cửa khẩu Cảng Đ là phải chịu 300.000 đồng tiền án phí hành chính sơ thẩm.

Người bị kiện là Cục trưởng Cục Hải quan tỉnh Đ phải chịu 300.000 đồng tiền án phí hành chính sơ thẩm.

Người khởi kiện, người bị kiện có quyền kháng cáo bản án hành chính sơ thẩm lên Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố H trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TANDCC tại TP.H;
- VKSND tỉnh Đ;
- Phòng KTNV-THA Tỉnh;
- Cục THADS tỉnh Đ;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, HSVA, THC (T).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thành T